

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG**

---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI
PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TẠI CHI NHÁNH TDC 2 THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN : TH.S ĐOÀN THỊ HỒNG NHUNG

SINH VIÊN THỰC HIỆN : DOÃN QUANG ĐỨC

MÃ SINH VIÊN : A15028

CHUYÊN NGÀNH : Kế toán

HÀ NỘI – 2014

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian nghiên cứu và làm khóa luận, em xin chân thành cảm ơn và sự tri ân sâu sắc cô giáo hướng dẫn Th.S Đoàn Thị Hồng Nhung đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành tốt đề tài khóa luận tốt nghiệp. Bên cạnh đó, em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Kế toán – trường Đại học Thăng Long đã giảng dạy và trang bị cho em những kiến thức cơ bản trong học tập nghiên cứu khóa luận cũng như trong công việc sau này.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đối với các cô, chú, anh, chị phòng kế toán Chi nhánh TDC 2 – Công ty Cổ Phần Phát Triển Kỹ Thuật Xây Dựng đã tạo điều kiện cho em được thực tập trong thời gian làm khóa luận tốt nghiệp.

Trong quá trình thực tập, cũng như trong quá trình làm khóa luận, em khó tránh khỏi sai sót rất mong sự chỉ bảo thêm của các thầy, cô khoa kế toán cùng các cô, chú, anh, chị phòng kế toán Chi nhánh TDC 2 giúp em hoàn thành và đạt kết quả tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong Khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này

Sinh viên

Doãn Quang Đức

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	1
1.Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	1
1.1.Khái niệm chi phí sản xuất.....	1
1.2.Phân loại chi phí sản xuất.....	1
1.2.1. Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí:	1
1.2.2. <i>Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục tính giá thành:.....</i>	<i>1</i>
2.Giá thành sản phẩm xây lắp	2
2.1.Khái niệm giá thành sản phẩm xây lắp.....	2
2.2.Phân loại giá thành	2
2.2.1. <i>Phân loại theo cơ sở số liệu để tính giá thành</i>	<i>2</i>
2.2.2. <i>Phân loại theo phạm vi tính giá thành</i>	<i>3</i>
3.Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	3
4.Nhiệm vụ của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	4
5.Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	4
5.1.Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.....	4
5.1.1. <i>Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....</i>	<i>4</i>
5.1.2. <i>Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất</i>	<i>6</i>
5.1.3.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo từng khoản mục chi phí	6
5.1.4. <i>Hạch toán các khoản thiệt hại trong xây lắp</i>	<i>19</i>
5.2.Tổng hợp chi phí sản xuất	21
5.3.Phương pháp đánh giá SPDD.....	22
5.3.1. <i>Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán</i>	<i>23</i>
5.3.2. <i>Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán.....</i>	<i>23</i>
5.4.Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	24
5.4.1. <i>Đối tượng tính giá thành.....</i>	<i>24</i>

5.4.2. Phương pháp tính giá thành	24
6. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo các hình thức sổ	25
6.1. Hình thức Nhật ký chứng từ	25
6.2. Hình thức Nhật ký chung	26
6.3. Hình thức Nhật ký sổ cái	27
6.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ	28
Chương 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CHI NHÁNH TDC 2.	29
1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng.	29
1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	29
1.1.1. Tên và địa chỉ công ty	29
1.1.2. Quá trình hình thành công ty	29
1.2. Lĩnh vực kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất	29
1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh	30
1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại chi nhánh TDC 2	31
1.4.1. Hình thức kế toán	31
1.4.2. Tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị:	32
1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại chi nhánh:	34
2. Thực trạng công tác kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại chi nhánh TDC 2.	34
2.1. Đặc điểm đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	34
2.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm.	34
2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất	36
2.2.1.	Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
	36
2.2.2.	Kế toán chi phí nhân công trực tiếp
	45
2.2.3.	Kế toán chi phí máy thi công
	57
2.2.4.	Kế toán chi phí sản xuất chung
	64

2.3.Kế toán tổng hợp chi phí.....	72
2.3.1.Tài khoản sử dụng.....	72
2.3.2.Trình tự hạch toán	72
2.4.Tính giá thành sản phẩm	74
2.4.1.Đối tượng tính giá thành	74
2.4.2.Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.....	74
2.4.3.Tính giá thành sản phẩm xây lắp tại chi nhánh	74
CHƯƠNG 3:NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ	
TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP	
TẠI CHI NHÁNH TDC2	77
1. Nhận xét về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại	
chi nhánh:	77
1.1. Những mặt đạt được:	77
1.2. Những mặt tồn tại:.....	79
2. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện chi phí sản xuất và tính giá thành tại chi	
nhánh TDC2	80
2.1. Đề xuất 1: Hoàn thiện về tổ chức bộ máy kế toán.:	80
2.2. Đề xuất 2: Hoàn thiện về hệ thống sổ sách.....	80
2.3. Đề xuất 3: Quy trình luân chuyển chứng từ	83
KẾT LUẬN.....	84
PHỤ LỤC	
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 2.1: Bảng kê hoàn chứng từ nguyên vật liệu	40
Bảng số 2.2: Chứng từ ghi sổ nguyên vật liệu	40
Bảng số 2.3: Sổ chi tiết tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	42
Bảng số 2.4: Sổ NKC.....	43
Bảng số 2.5: Sổ cái tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	44
Bảng số 2.6 : Các khoản trích theo lương.....	45
Bảng số 2.7: Bảng dự trù khối lượng nhân công	50
Bảng số 2.8: Bảng chấm công tháng 12.....	51
Bảng số 2.9: Bảng thanh toán tiền lương tháng 12	52
Bảng số 2.10: Bảng kê hoàn chứng từ chi phí nhân công trực tiếp	53
Bảng 2.11: Chứng từ ghi sổ nhân công trực tiếp.....	54
Bảng số 2.12: Sổ chi tiết tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp	55
Bảng số 2.13: Sổ NKC	56
Bảng số 2.14: Sổ cái tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp	56
Bảng số 2.15: Bảng kê hoàn chứng từ CP máy thi công	60
Bảng số 2.16: Chứng từ ghi sổ chi phí máy thi công	60
Bảng 2.17: Tài khoản chi tiết 623 _ Chi phí máy thi công.....	61
Bảng số 2.18: Sổ NKC.....	62
Bảng 2.19: Sổ tổng hợp tài khoản 623 – Chi phí máy thi công.....	63
Bảng 2.20: Bảng kê hoàn chứng từ chi phí sản xuất chung.....	67
Bảng 2.21: Chứng từ ghi sổ chi phí sản xuất chung	68
Bảng 2.22: Sổ chi tiết tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung.....	69
Bảng số 2.23: Sổ NKC	70
Bảng 2.24: Sổ tổng hợp tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung.....	71
Bảng số 2.25: Sổ NKC.....	73
Bảng 2.26 : Sổ chi tiết tài khoản 154 – Xấy lắp tháng 12/2012	75
Bảng 2.27 : Bảng tính giá thành HD 21/010.....	76
Bảng số 3.1: Sổ chi tiết tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	81
Bảng 3.2: Sổ cái tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	82

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ số 1.1: Hạch toán chi phí NVL trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp.....	8
Sơ đồ số 1.2: Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	9
Sơ đồ số 1.3: Các đội máy thi công cung cấp lao vụ lẫn nhau.....	11
Sơ đồ số 1.4: Các đội máy thi công bán ca máy thi công.	12
Sơ đồ số 1.5: DN không tổ chức đội máy thi công riêng hoặc có tổ chức đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức kế toán riêng	12
Sơ đồ số 1.6: Hạch toán chi phí sản xuất chung.....	15
Sơ đồ số 1.7: Hạch toán tại đơn vị nhận khoán.....	17
Sơ đồ số 1.8: Hạch toán tại đơn vị giao khoán	17
Sơ đồ số 1.9: Hạch toán tại đơn vị nhận khoán.....	18
Sơ đồ số 1.10: Hạch toán tại đơn vị giao khoán	18
Sơ đồ số 1.11: Hạch toán thiệt hại phá đi làm lại.....	19
Sơ đồ số 1.12: Hạch toán thiệt hại do ngừng sản xuất ngoài kế hoạch	21
Sơ đồ 1.13: Hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.....	22
Sơ đồ 2.1 : Đặc điểm tổ chức quản lý của chi nhánh TDC 2.....	30
Sơ đồ 2.2: Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính :	32
Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán chi nhánh TDC 2:	33
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chứng từ tại chi nhánh	38
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán tại chi nhánh.....	49
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán.....	58
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán tại chi nhánh.....	65

LỜI MỞ ĐẦU

Cơ chế thị trường đã tạo nên sự chủ động thực sự cho các doanh nghiệp, các doanh nghiệp được chủ động trong việc xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm. Doanh nghiệp phải tự trang bị, bù đắp chi phí, chịu rủi ro, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình trong môi trường kinh doanh luôn có sự cạnh tranh gay gắt và môi trường pháp lý của Nhà nước về quản lý tài chính. Các đơn vị sản xuất chỉ được cạnh tranh với nhau trong khuôn khổ của luật định để tồn tại và phát triển với mục đích thu lợi nhuận tối đa. Lợi nhuận thu được trong kinh doanh là thước đo trình độ quản lý trình độ tổ chức sản xuất và hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp.

Giá thành sản phẩm là yếu tố quan trọng đem lại thắng lợi cho các doanh nghiệp. Do vậy, các doanh nghiệp cần phải quan tâm đến việc tập hợp và giảm thiểu chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm.

Thực tế hiện nay công tác tính giá thành ở một số doanh nghiệp nói chung và ngành xây dựng nói riêng còn nhiều tồn tại, chậm cải tiến và chưa hoàn thiện vì thế chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong quản lý kinh tế cơ chế thị trường.

Để thực hiện tốt mục tiêu quản lý kinh tế, không ngừng hạ giá thành sản phẩm thì điều đầu tiên cần phải củng cố là hoàn thiện phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sao cho phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, đặc điểm, tính chất sản phẩm yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp và quy định thống nhất chung của cả nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại doanh nghiệp, em đã chọn chuyên đề tốt nghiệp là “ *Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*” tại chi nhánh TDC 2 thuộc Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng.

Mục đích nghiên cứu đề tài này là nhằm tìm hiểu thực tế công tác kế toán hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại chi nhánh, so sánh giữa cơ sở lý luận được học trong nhà trường với thực tế tại doanh nghiệp nhằm thấy được những mặt đạt được, những áp dụng linh hoạt chế độ vào thực tế và những mặt còn hạn chế. Từ đó, đưa ra các phương hướng, đề xuất góp phần hoàn thiện công tác kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại doanh nghiệp.

Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng là: tập hợp, thống kê, phân tích, đánh giá các số liệu và các thông tin thu thập được từ phòng kế toán của chi nhánh bằng cách xin số liệu, quan sát thực tế, phỏng vấn các nhân viên phòng kế toán, tham gia vào một số công tác tập hợp chi phí, kiểm tra chứng từ, vào các chứng từ ghi sổ theo yêu cầu của nhân viên cán bộ kế toán tại chi nhánh TDC 2.

Mô tả thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của phòng kế toán chi nhánh, đi sâu phản ánh công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp đối với một sản phẩm xây lắp cụ thể có phát sinh chi phí sản xuất và đã hoàn thành trong thời gian thực tập tại doanh nghiệp. Đây chính là đóng góp chủ yếu và có giá trị nhất của chuyên đề nghiên cứu.

Nhìn nhận và chỉ ra những mặt đạt được và những mặt còn tồn tại trong công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại chi nhánh.

Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại chi nhánh

Ngoài các phần như: mục lục, lời mở đầu, lời cảm ơn, tài liệu tham khảo, kết luận, phụ lục, ... thì đề tài gồm có ba nội dung chính sau:

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CHI NHÁNH TDC 2.

Chương 3: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CHI NHÁNH TDC2.

Do thời gian nghiên cứu và trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn hẹp, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên đề tài sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong được sự góp ý của thầy cô giáo, các cô chú, anh chị trong **Chi nhánh TDC 2** thuộc **Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng** để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện:

Doãn Quang Đức

Chương 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.1. Khái niệm chi phí sản xuất

Bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tiến hành sản xuất kinh doanh cũng phải có đủ ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất là: đối tượng lao động, tư liệu lao động và sức lao động. Sự kết hợp của ba yếu tố này trong quá trình sản xuất sẽ tạo ra những sản phẩm, dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của con người. Việc tiêu hao một lượng nhất định các yếu tố trên để tạo ra sản phẩm, dịch vụ đó được gọi là chi phí.

Như vậy, chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất thi công trong một thời kỳ nhất định.

1.2. Phân loại chi phí sản xuất

1.2.1. Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí:

Chi phí nguyên vật liệu: gồm chi phí về nguyên vật liệu chính (gạch, đá, cát, thép...); vật liệu phụ, nhiên liệu (xăng, dầu); công cụ lao động nhỏ;...

Chi phí nhân công: bao gồm tiền lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN và các khoản phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công, nhân viên quản lý ở các tổ, đội

Chi phí khấu hao TSCĐ: là toàn bộ số tiền trích khấu hao về máy thi công xây dựng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý chung.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: là toàn bộ số tiền trả về các loại dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất, thi công công trình như: chi phí điện, điện thoại, nước, chi phí thuê máy thi công....

Chi phí khác bằng tiền: là toàn bộ các chi phí bằng tiền khác ngoài 4 yếu tố kể trên để phục vụ cho sản xuất, thi công và quản lý ở các tổ, đội.

1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục tính giá thành:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là toàn bộ chi phí về vật liệu chính (cát, đá, gạch, sắt, thép...); vật liệu phụ (sơn, vữa...); cấu kiện bê tông tham gia cấu tạo nên các sản phẩm xây lắp.

Chi phí nhân công trực tiếp: là toàn bộ các khoản chi phí về tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp ... của công nhân trực tiếp thi công xây lắp. Không tính vào khoản mục chi phí này các khoản mục BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân trực tiếp xây lắp.

Chi phí sử dụng máy thi công: là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động của máy thi công. Khoản chi phí này bao gồm tiền lương và các khoản phải trả cho công nhân điều khiển máy thi công: chi phí nhiên liệu, vật liệu phục vụ xe, máy thi công; chi phí khấu hao xe, máy thi công; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền phục vụ cho hoạt động của máy thi công.

Không tính vào khoản mục này các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân điều khiển xe, máy thi công.

Chi phí sản xuất chung: là toàn bộ các khoản chi phí dùng vào việc quản lý và phục vụ sản xuất chung ở chi nhánh, đội sản xuất, ban chỉ huy công trình. Bao gồm: tiền lương, phụ cấp... của nhân viên quản lý ở chi nhánh, đội sản xuất, ban chỉ huy công trình; khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công, nhân viên quản lý tổ, đội, công trường xây dựng.

2. Giá thành sản phẩm xây lắp

2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm xây lắp

Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định. Nó là một bộ phận của giá trị sản phẩm xây lắp, là một trong các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý kinh tế của doanh nghiệp xây dựng. Sản phẩm xây lắp có thể là các công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây lắp hoàn thành. Giá thành hạng mục công trình hoặc công trình hoàn thành toàn bộ là giá thành sản phẩm cuối cùng của sản phẩm xây lắp.

2.2. Phân loại giá thành

2.2.1. Phân loại theo cơ sở số liệu để tính giá thành

2.2.1.1 Giá thành dự toán: (Zdt)

Là toàn bộ chi phí dự toán để hoàn thành một khối lượng công tác xây lắp. Giá thành dự toán xây lắp được xác định trên cơ sở khối lượng công tác xây lắp theo thiết kế được duyệt, các định mức dự toán, đơn giá XDCB chi tiết hiện hành và các chính sách chế độ có liên quan của Nhà nước.

Giá thành dự toán = Giá trị dự toán – Lợi nhuận định mức

Như vậy, giá thành dự toán nhỏ hơn giá trị dự toán xây lắp ở phần lợi nhuận định mức và thuế. Trong đó, lãi định mức được tính theo tỷ lệ % trên giá thành xây lắp do Nhà nước quy định đối với từng loại hình xây lắp khác nhau, từng sản phẩm xây lắp cụ thể.

Giá thành dự toán là hạn mức chi phí cao nhất mà đơn vị có thể chi ra để đảm bảo có lãi. Nó là tiêu chuẩn để đơn vị phân đấu hạ thấp định mức chi phí thực tế, đồng thời là căn cứ xây dựng giá nhận thầu.

2.2.1.2 Giá thành kế hoạch: (Zkh)

Là loại giá thành được xác định trên cơ sở các định mức của doanh nghiệp, phù hợp với điều kiện cụ thể ở một đơn vị xây lắp, một công trường trong một thời kỳ kế hoạch nhất định.

Khác với giá thành dự toán, giá thành kế hoạch được lập ra không dựa vào định mức dự toán của Nhà nước mà dựa vào định mức chi phí của đơn vị. Vì vậy, về nguyên tắc giá thành kế hoạch không lớn hơn giá thành dự toán ($Zdt > Zkh$).

Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán – Mức hạ giá thành dự toán

2.2.1.3 Giá thành thực tế: (Ztt)

Là loại giá thành được tính toán dựa theo các chi phí thực tế phát sinh mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện khối lượng công tác xây lắp được xác định theo số liệu của kế toán cung cấp.

Giá thành thực tế không chỉ bao gồm những chi phí phát sinh trong định mức mà còn bao gồm cả những chi phí thực tế phát sinh như: mất mát, hao hụt vật tư, thiệt hại do phá đi làm lại trong định mức cho phép của Nhà nước hoặc sự thỏa thuận giữa đơn vị thi công và chủ đầu tư... Song về nguyên tắc, giá thành thực tế không lớn hơn giá thành kế hoạch ($Zkh > Ztt$)

Trong điều kiện đảm bảo tính thống nhất về thời điểm, cách tính và thực hiện trên cùng một đối tượng thì giữa ba loại giá thành trên có mối quan hệ về mặt lượng như sau: $Zdt > Zkh > Ztt$

2.2.2. Phân loại theo phạm vi tính giá thành

2.2.2.1 Giá thành khối lượng công tác xây lắp

Phản ánh giá thành của một khối lượng công tác xây lắp đã hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

2.2.2.2 Giá thành công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành

Là giá thành của những công trình, hạng mục công trình đã hoàn chỉnh, đảm bảo kỹ thuật và chất lượng, đúng thiết kế và hợp đồng, được chủ đầu tư (bên A) nghiệm thu và thanh toán.

3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp là hai mặt biểu hiện của quá trình thi công lắp đặt và chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Về bản chất, đây là hai khái niệm giống nhau, chúng đều là các hao phí về lao động sống, lao động vật

hoá... được biểu hiện bằng tiền. Tuy nhiên, giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp lại có sự khác nhau về giới hạn, phạm vi và nội dung.

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp luôn gắn với một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm...), còn giá thành sản phẩm xây lắp là giới hạn số chi phí sản xuất liên quan đến một công trình, hạng mục công trình hay một khối lượng công tác xây lắp hoàn thành nhất định.

Chi phí sản xuất của một thời kỳ bao gồm những chi phí phát sinh trong kỳ đó, còn giá thành sản phẩm có thể bao gồm cả một phần chi phí phát sinh ở kỳ trước như CPSX DD đầu kỳ và không gồm phần chi phí phát sinh ở kỳ này như CPSX DD cuối kỳ để lại trong SPDD kỳ sau.

Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện qua sơ đồ sau

CPSX DD đầu kỳ	CPSX phát sinh trong kỳ	
	Tổng giá thành	CPSX DD cuối kỳ

$$\text{Tổng giá thành sản phẩm xây lắp} = \text{Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ}.$$

4. Nhiệm vụ của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Vai trò của công tác này là cung cấp thông tin cho các nhà quản trị phục vụ việc ra quyết định, vì vậy việc tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp nói chung và trong các doanh nghiệp xây lắp nói riêng phải đảm bảo các yêu cầu sau :

Phản ánh chính xác toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phân bổ hợp lý các chi phí sản xuất theo từng khoản mục vào các đối tượng tập hợp chi phí, áp dụng phương pháp tính giá thích hợp

Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức về chi phí vật liệu, lao động sử dụng máy, kiểm tra dự toán chi phí gián tiếp, phát hiện kịp thời các khoản mục chi phí chênh lệch ngoài kế hoạch, đề ra các phương án ngăn ngừa kịp thời.

Kiểm tra việc thực hiện giá thành theo từng khoản mục chi phí, hạng mục công trình, đề ra các biện pháp hạ giá thành sản phẩm.

Thông qua ghi chép, phản ánh tính toán để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp. Kịp thời lập báo cáo kế toán về chi phí và lập giá thành theo quy định của cơ quan chủ quản cấp trên.

5. Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

5.1. Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

5.1.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Để phục vụ cho việc tính giá thành chính xác công việc đầu tiên đòi hỏi nhà quản lý phải làm là xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất. Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là xác định giới hạn tập hợp chi phí sản xuất thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí.

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong ngành sản xuất nói chung và trong kinh doanh xây lắp nói riêng thường căn cứ vào:

- Đặc điểm quy trình công nghệ của việc sản xuất sản phẩm

Doanh nghiệp xây lắp có đủ các thiết bị công nghệ từ khâu làm nền móng (máy ép rung, máy khoan nhồi,...) đến các thiết bị vận chuyển (xe cẩu, cầu trục tháp, xe ô tô tải,...) và các thiết bị thi công công trình (máy ủi, máy đào, máy vận thăng,...) để tự thực hiện các hạng mục công trình hay là thuê ngoài hoặc có thể giao cho các thầu phụ. Do vậy, việc tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm cũng được tính cho từng chủ trì hoặc các nhà thầu phụ riêng biệt.

- Loại hình sản xuất sản phẩm.

Sản phẩm xây lắp là những công trình xây dựng, vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sản xuất sản phẩm xây lắp lâu dài. Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ. Do sản phẩm có tính đơn chiếc như vậy nên chi phí sản xuất cho từng công trình sẽ khác nhau. Do vậy, việc tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm xây lắp cũng được tính cho từng sản phẩm xây lắp riêng biệt.

- Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Do thời gian thi công kéo dài nên kỳ tính giá thành thường không xác định hàng tháng như trong sản xuất mà xác định theo thời điểm khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành hay thực hiện bàn giao thanh toán theo giai đoạn quy ước, tùy thuộc vào kết cấu kỹ thuật và khả năng về vốn của đơn vị xây lắp. Chính vì thế việc tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm xây lắp cũng được tính theo từng hợp đồng tương ứng với từng công trình, hạng mục công trình đã bàn giao cụ thể.

- Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.

Doanh nghiệp có quy mô càng lớn, càng phức tạp thì hoạt động của của doanh nghiệp cũng phức tạp theo. Do đó các nhà quản lý cần phải đưa ra một mô hình cơ cấu quản lý hợp lý sao cho đảm bảo quản lý được toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp đồng thời phải làm sao để bộ máy quản lý không chồng chéo và phức tạp về mặt cơ cấu. Còn đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì bộ máy quản lý phải chuyên, tinh, gọn nhẹ để dễ thay đổi phù hợp với tình hình sản

xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy tùy từng doanh nghiệp cụ thể việc tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm xây lắp sẽ được tập hợp cho từng bộ phận quản lý hoặc tập hợp chi phí của nhiều bộ phận quản lý có liên quan đến nhau.

Trên thực tế, các doanh nghiệp xây lắp hiện nay thường tập hợp chi phí theo công trình hoặc hạng mục công trình

Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên cần thiết và quan trọng của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất. Có xác định đúng đối tượng hạch toán, tập hợp chính xác các khoản chi phí phát sinh phù hợp với đặc điểm tổ chức và sản xuất của doanh nghiệp mới giúp cho việc tổ chức tốt công tác chi phí. Từ khâu hạch toán ban đầu đến tổ chức tài khoản, tổng hợp số liệu và ghi sổ chi tiết, sổ tổng hợp đều phải luôn luôn bám sát đối tượng tập hợp chi phí

5.1.2. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Trong doanh nghiệp xây lắp có những phương pháp hạch toán chi phí sau:

Phương pháp hạch toán chi phí theo công trình hay hạng mục công trình: Hàng tháng chi phí phát sinh liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình, hạng mục công trình đó. Phương pháp này được sử dụng khi đối tượng tập hợp chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ công trình hay hạng mục công trình.

Phương pháp hạch toán chi phí theo đơn đặt hàng: Chi phí phát sinh hàng tháng sẽ được phân loại cho từng đơn đặt hàng riêng biệt. Khi đơn đặt hàng hoàn thành thì tổng chi phí được tập hợp theo đơn đặt hàng đó chính là giá thành sản phẩm. Phương pháp này được sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp xác định đối tượng hạch toán chi phí là đơn đặt hàng.

Phương pháp hạch toán chi phí theo tổ, đội thi công: Các chi phí phát sinh trong kì được tập hợp theo từng tổ đội thi công công trình, trong tổ đội đó chi phí lại được tập hợp theo từng đối tượng chịu chi phí như công trình, hạng mục công trình. Thực tế có nhiều chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng, cuối kì kế toán tiến hành phân bổ chi phí đã tập hợp cho các đối tượng chịu chi phí một cách chính xác và hợp lý theo phương pháp phân bổ trực tiếp hoặc gián tiếp. Phương pháp này thường được sử dụng trong các doanh nghiệp xây lắp có thực hiện khoán.

5.1.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo từng khoản mục chi phí

5.1.3.1 Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

** Nội dung và phương pháp hạch toán:*

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp là những chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể công trình xây lắp hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp như: sắt thép, xi măng, gạch, gỗ, cát, đá, sỏi, tấm xi măng đúc sẵn, kèo sắt, cốp pha, đà giáo... Nó không bao gồm vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và sử dụng cho bộ máy quản lý công trình. Chi phí vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm xây lắp.

** Trong hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán phải tôn trọng những quy định có tính nguyên tắc sau:*

Vật liệu sử dụng cho việc xây dựng hạng mục công trình nào thì tính trực tiếp cho hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc có liên quan, theo số lượng thực tế sử dụng và theo giá thực tế xuất kho.

Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật liệu chưa sử dụng hết ở công trường, bộ phận sản xuất để tính số vật liệu thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời phải hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi (nếu có) theo từng đối tượng công trình.

Trong điều kiện vật liệu sử dụng cho việc xây dựng nhiều hạng mục công trình thì kế toán áp dụng phương pháp phân bổ để tính chi phí vật liệu trực tiếp cho từng đối tượng hạng mục công trình theo tiêu thức hợp lý: Theo định mức tiêu hao, chi phí vật liệu trực tiếp theo dự toán....

** Tài khoản sử dụng:*

Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng TK 621- “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ”. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Kết cấu tài khoản như sau:

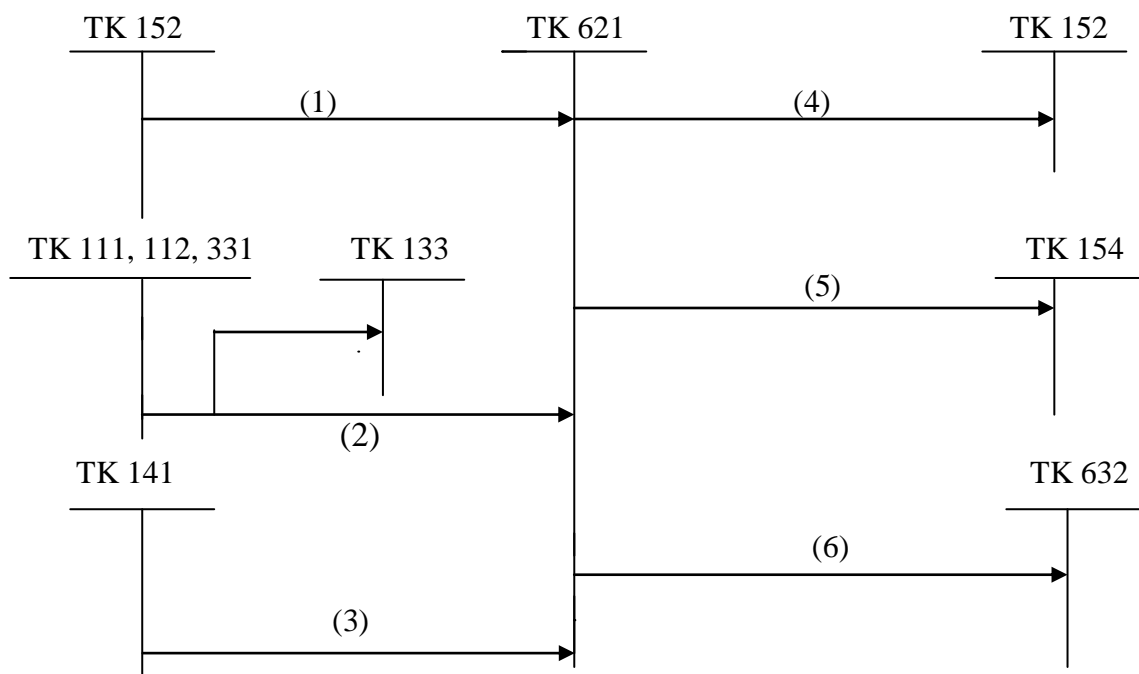
Bên Nợ: Trị giá nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ dịch vụ trong kỳ.

Bên Có:

- Trị giá nguyên vật liệu sử dụng không hết, nhập lại kho.
- Trị giá của phế liệu thu hồi (nếu có).
- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu để tính giá thành sản phẩm.
- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt định mức

TK 621 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ số 1.1: Hạch toán chi phí NVL trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp



- Chú thích:**
- (1) Xuất NVL sử dụng cho các công trình.
 - (2) Mua NVL về sử dụng ngay không qua nhập kho.
 - (3) Quyết toán tạm ứng về giá trị khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ hoàn thành bàn giao được duyệt.
 - (4) Số NVL xuất ra không sử dụng hết cuối kỳ nhập kho.
 - (5) Cuối kỳ phân bổ, kết chuyển chi phí NVL trực tiếp tính giá thành sản phẩm.
 - (6) Kết chuyển CP NVL vượt trên mức bình thường

5.1.3.2 Chi phí nhân công trực tiếp

* Nội dung và phương pháp hạch toán:

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương, tiền công phải trả cho số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công việc xây lắp hoàn thành, công nhân phục vụ xây lắp kể cả công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

* Kế toán chi phí nhân công trực tiếp của hoạt động xây lắp, phải tôn trọng những quy định sau:

Tiền lương, tiền công phải trả cho công nhân trực tiếp liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì phải hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc về lao động và tiền lương. Trong điều kiện sản

xuất xây lắp không cho phép tính trực tiếp chi phí nhân công cho từng công trình, hạng mục công trình thì kế toán phải phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng theo tiền lương định mức hay gia công định mức.

Các khoản trích theo tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp) được tính vào chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp.

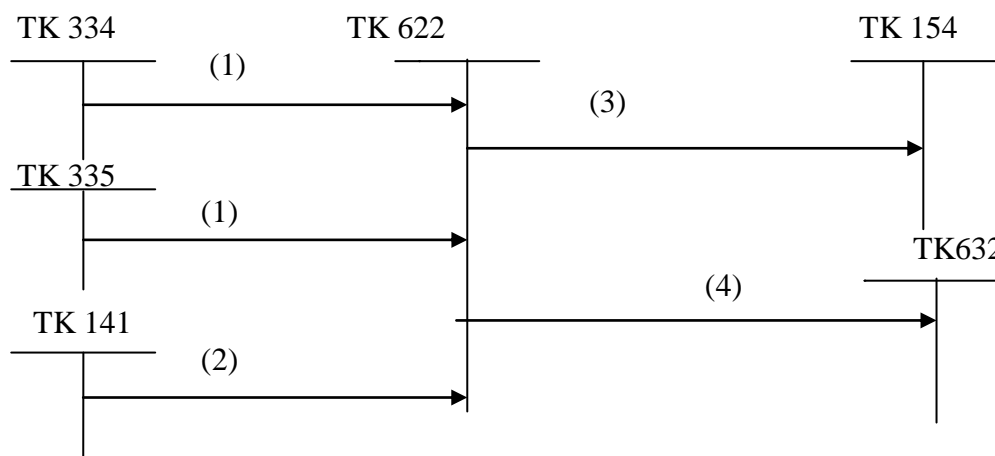
* Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng TK 622- “ Chi phí nhân công trực tiếp”

Kết cấu của tài khoản này như sau:

- Bên nợ: + Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào hoạt động xây lắp
+ Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp
- Bên có: Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào bên nợ tài khoản 154 TK 622 cuối kỳ không có số dư.

Sơ đồ số 1.2: Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



Chú thích:

- (1) Tính tiền lương phải trả cho công nhân xây lắp
- (2) Khi quyết toán tạm ứng về giá trị khối lượng xây lắp đã hoàn thành bàn giao được duyệt
- (3) Cuối kỳ kế toán phân bổ và kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình .
- (4) Kết chuyển CPNCTT vượt mức bình thường

5.1.3.3 Chi phí sử dụng máy thi công.

* Nội dung và phương pháp hạch toán:

Máy thi công là các loại xe, máy chạy bằng động lực (điện, xăng dầu,...) được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp các công trình như: Máy trộn bê tông, cần cẩu,

máy đào xúc máy ủi, máy đóng cọc, ô tô vận chuyển đất, cát, đá ở công trường.... Các phương tiện thi công này doanh nghiệp có thể tự trang bị hoặc thuê ngoài.

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác có liên quan đến sử dụng máy thi công và được chia thành 2 loại: chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời.

Chi phí thường xuyên: là những chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng xe, máy thi công được tính thẳng vào chi phí máy như: tiền lương của công nhân trực tiếp điều khiển hay phục vụ xe, máy; chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu dùng cho xe, máy thi công, khấu hao và sửa chữa thường xuyên xe, máy thi công, tiền thuê xe, máy thi công..

Chi phí tạm thời: Là những chi phí phải phân bổ dần theo thời gian sử dụng máy thi công như: Chi phí tháo lắp, vận chuyển, chạy thử máy thi công khi di chuyển từ công trường này đến công trường khác, chi phí về xây dựng tháo dỡ những công trình tạm thời loại nhỏ như lều, lán... sử dụng máy thi công. Những chi phí này có thể phân bổ dần hoặc trích trước theo kế hoạch nhiều kỳ.

* Kế toán chi phí sử dụng máy thi công cần phải tôn trọng những quy định sau đây:

Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phải phù hợp với hình thức quản lý sử dụng máy thi công của doanh nghiệp thông thường có 2 hình thức quản lý, sử dụng máy thi công: Tổ chức đội máy thi công riêng biệt thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy thi công cho các đội, chi nhánh.

Nếu doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt mà giao máy thi công cho các đội, chi nhánh sử dụng thì chi phí sử dụng máy phát sinh được hạch toán vào TK623 – chi phí sử dụng máy thi công.

Nếu doanh nghiệp xây lắp tổ chức đội máy thi công riêng thì và có tổ chức kế toán riêng thì chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán vào các TK chi phí 621, 622, 627 và cuối kì kết chuyển sang TK 154 để tính giá thành ca máy thi công.

Tính toán phân bổ sử dụng máy thi công cho các đối tượng sử dụng (công trình, hạng mục công trình) phải dựa trên cơ sở giá thành một giờ/máy hoặc giá thành một ca/ máy hoặc đơn vị khối lượng công việc thi công bằng máy hoàn thành.

* Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”, tài khoản này dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp. Tài khoản này chỉ sử dụng để hạch toán đối với trường hợp doanh nghiệp xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công thủ công vừa thi công

bằng máy. Không hạch toán tài khoản này các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) của công nhân sử dụng máy thi công

Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình hoàn toàn bằng máy thì không sử dụng TK 623 mà hạch toán các chi phí xây lắp trực tiếp vào các TK 621, 622, 627.

Bên nợ: Các chi phí liên quan đến hoạt động của máy thi công

Bên có: + Kết chuyển CP sử dụng máy thi công vào TK 154

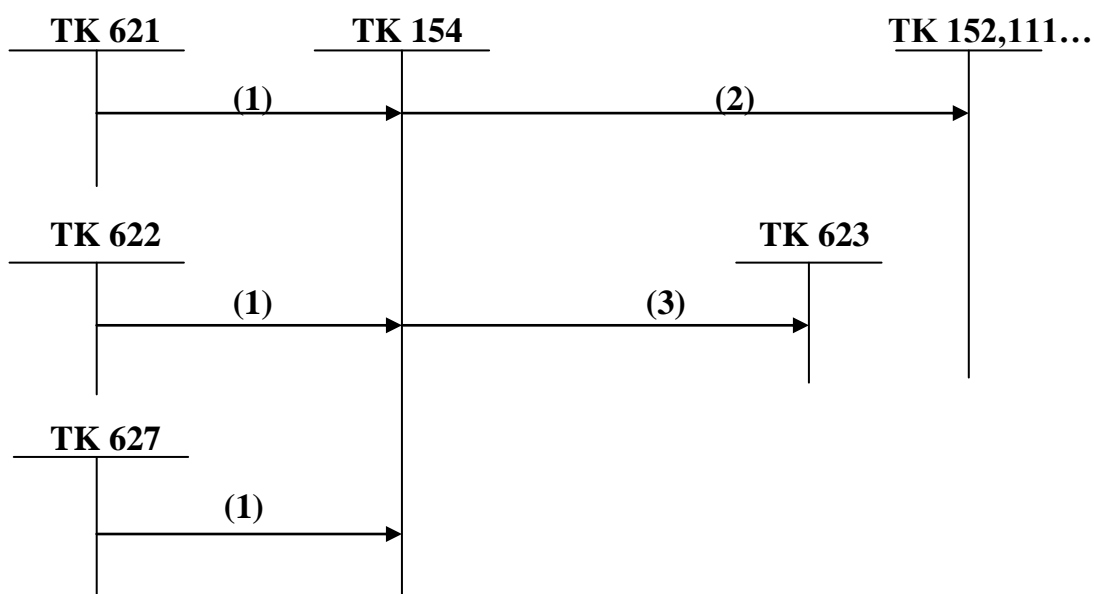
+ Kết chuyển CP sử dụng máy thi công vượt mức bình thường vào TK 632

TK 623 không có số dư cuối kỳ và có 6 TK cấp 2:

- TK 6231- Chi phí nhân công
- TK 6232- Chi phí vật liệu
- TK 6233- Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK 6234- Chi phí khấu hao máy thi công
- TK 6237- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6238- Chi phí khác bằng tiền.

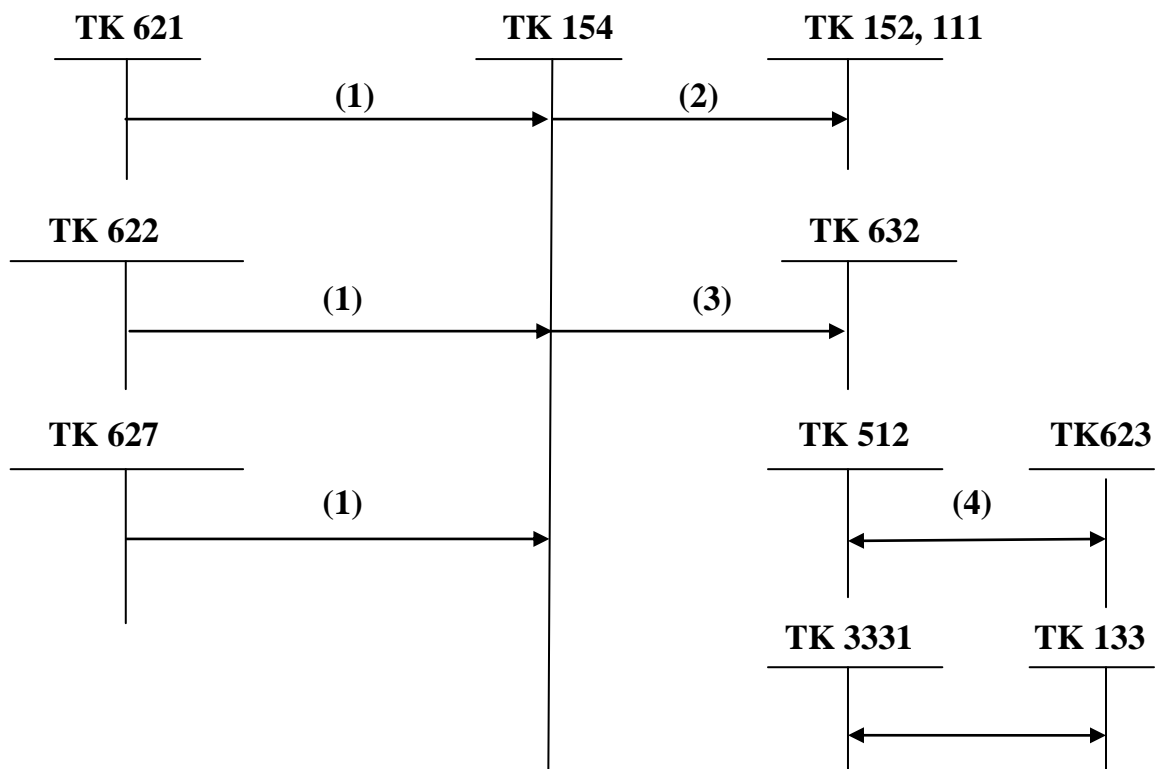
Trường hợp đội máy thi công tổ chức bộ máy kế toán riêng

- **Sơ đồ số 1.3:** Các đội máy thi công cung cấp lao vụ lẫn nhau



Chú thích:

- (1) Cuối kỳ kế toán phân bổ và kết chuyển các chi phí thi công của đội máy cho từng công trình, hạng mục công trình.
 - (2) Các khoản ghi giảm chi phí sử dụng máy thi công.
 - (3) Giá thành dịch vụ của đội máy phục vụ cho các đối tượng.
- **Sơ đồ số 1.4:** Các đội máy thi công bán ca máy thi công.

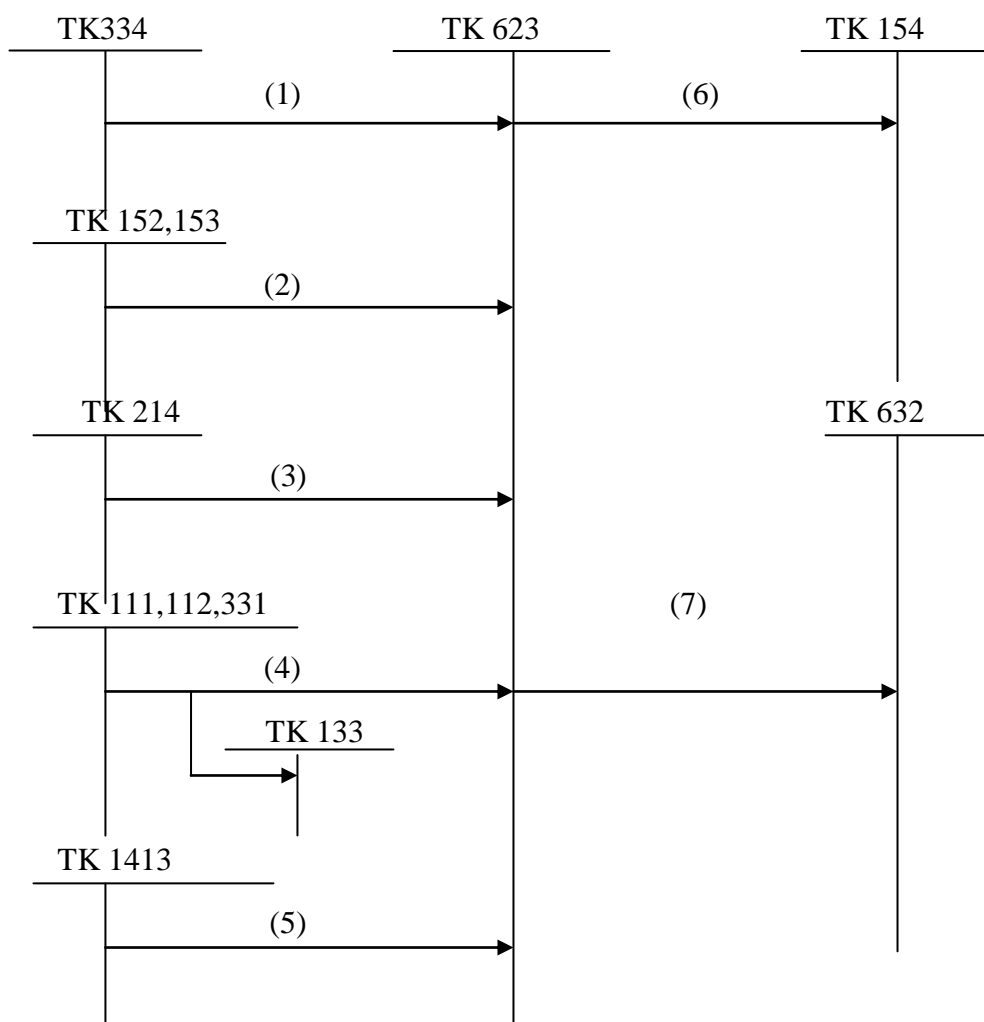


Chú thích:

- (1) Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công
- (2) Các khoản ghi giảm chi phí sử dụng máy thi công
- (3) Giá thành dịch vụ của đội máy phục vụ cho các đối tượng
- (4) Giá bán lao vụ của đội máy thi công cho các đội xây lắp trong nội bộ.

Trường hợp DN không tổ chức đội máy thi công riêng hoặc có tổ chức đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức kế toán riêng

Sơ đồ số 1.5: DN không tổ chức đội máy thi công riêng hoặc có tổ chức đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức kế toán riêng



Chú thích:

- (1) Tiền lương, tiền công phải trả cho công nhân điều khiển, phục vụ máy thi công
- (2) Xuất kho vật liệu, nhiên liệu, công cụ, dụng cụ sử dụng cho máy thi công.
- (3) Khấu hao xe, máy thi công
- (4) Chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh có liên quan đến sử dụng máy thi công như: thuê thêm máy thi công, điện, nước, tiền thuê ngoài sửa chữa máy thi công và các chi phí khác bằng tiền có liên quan đến sử dụng máy thi công.
- (5) Trường hợp tạm ứng chi phí sử dụng máy thi công để thực hiện lắp khoán nội bộ, khi bản quyết toán tạm ứng về giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao được duyệt.
- (6) Cuối kỳ kế toán phân bổ hoặc kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào từng công trình, hạng mục công trình.
- (7) Kết chuyển CPSDMTC vượt mức bình thường.

5.1.3.4 Chi phí sản xuất chung

* Nội dung và phương pháp hạch toán:

Chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ và quản lý thi công của ban chỉ huy công trình ở các công trường xây dựng. Chi phí sản xuất chung là chi phí tổng hợp bao gồm nhiều khoản chi phí khác nhau như: Tiền lương cán bộ trong ban chỉ huy công trình, khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý đội máy thi công (thuộc biên chế của doanh nghiệp), khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động chung của đội xây lắp.

* Kế toán chi phí sản xuất chung cần tôn trọng những quy định sau:

Phải tổ chức hạch toán chi phí sản xuất chung theo từng công trình, hạng mục công trình đồng thời phải chi tiết theo các điều khoản quy định

Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất chung.

Khi thực hiện khoản chi phí sản xuất chung cho các đội xây dựng thì phải quản lý tốt chi phí đã giao khoán, từ chối thanh toán cho các đội nhận khoán số chi phí sản xuất chung ngoài dự toán, bất hợp lý.

Trường hợp chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều đối tượng xây lắp khác nhau, kế toán phải tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng có liên quan đến tiêu thức hợp lý như: Chi phí nhân công trực tiếp hoặc chi phí sản xuất chung theo dự toán....

* Tài khoản sử dụng:

Đề tập hợp chi phí quản lý và phục vụ thi công ở các đội xây lắp theo nội dung quy định và phân bổ hoặc kết chuyển chi phí sản xuất chung vào các đối tượng xây lắp có liên quan, kế toán sử dụng tài khoản 627- Chi phí sản xuất chung.

Bên nợ: Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kì

Bên có: + Các khoản ghi giảm CPSX chung

+ Kết chuyển CPSX chung cố định vượt mức bình thường

+ Kết chuyển CPSX chung sang TK 154

TK 627 có 6 TK cấp 2 để theo dõi riêng cho từng nội dung chi phí

- TK 6271- Chi phí nhân viên phân xưởng

- TK 6272- Chi phí vật liệu

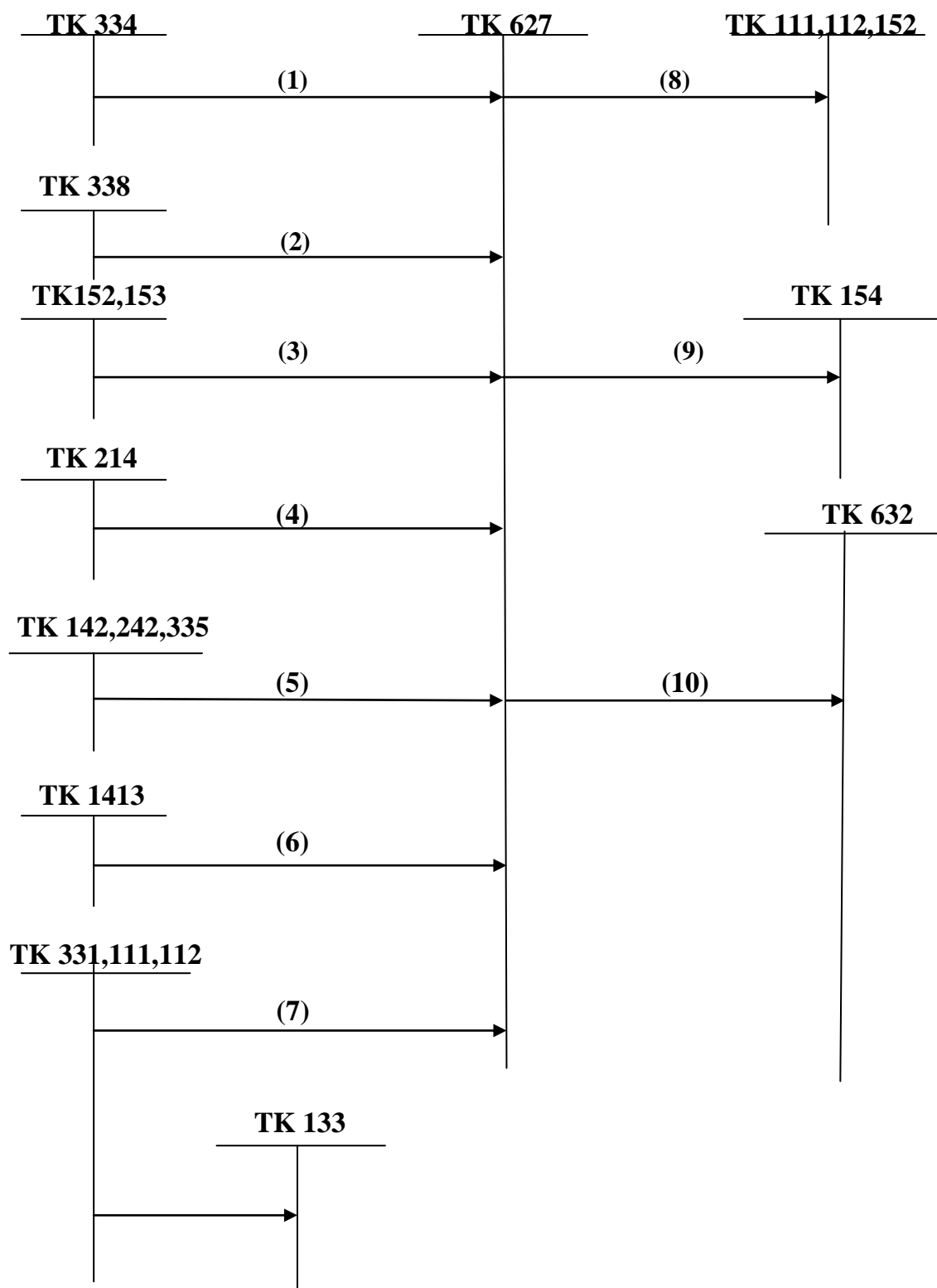
- TK 6273- Chi phí công cụ, dụng cụ

- TK 6274- Chi phí khấu hao TSCĐ

- TK 6277- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- TK 6278- Chi phí khác bằng tiền

Sơ đồ số 1.6: Hạch toán chi phí sản xuất chung



Chú thích:

- (1) Tiền lương phải trả nhân viên quản lý đội
- (2) Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho nv quản lý đội, Công nhân TT sản xuất và công nhân điều khiển máy thi công

- (3) Chi phí NVL, CCDC xuất kho
- (4) Chi phí khấu hao TSCĐ
- (5) CP trích trước và CP chờ phân bổ
- (6) CP của đơn vị nhận khoán nội bộ
- (7) CP dịch vụ mua ngoài, CP bằng tiền khác, phục vụ chung tại đội
- (8) Các khoản ghi giảm CPSXC
- (9) Phân bổ, kết chuyển CPSXC
- (10) Kết chuyển CPSXC cố định vượt mức bình thường không được phân bổ vào giá thành

5.1.3.5 Hạch toán theo phương thức giao khoán có tổ chức hạch toán tại đơn vị nhận khoán.

*** Nội dung và phương pháp hạch toán**

Tài khoản này chỉ phản ánh các nội dung kinh tế và quan hệ thanh toán nội bộ đối với các khoản phải trả giữa các đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới. Các đơn vị cấp trên là các doanh nghiệp kinh doanh độc lập không phải là cơ quan quản lý còn các đơn vị cấp dưới phải là đơn vị có tổ chức kế toán riêng.

*** Kế toán cần tôn trọng những quy định sau**

Quan hệ đầu tư vốn của doanh nghiệp vào công ty con không phản ánh vào tài khoản 336

Tài khoản 336 được hạch toán chi tiết cho từng đơn vị có quan hệ thanh toán, trong đó được theo dõi theo từng khoản phải nộp, phải trả.

*** Tài khoản sử dụng**

Cuối kỳ, kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu tài khoản 336- Phải trả nội bộ giữa các đơn vị nội bộ theo từng nội dung thanh toán.

Bên nợ : + Số tiền đã trả cho đơn vị phụ thuộc

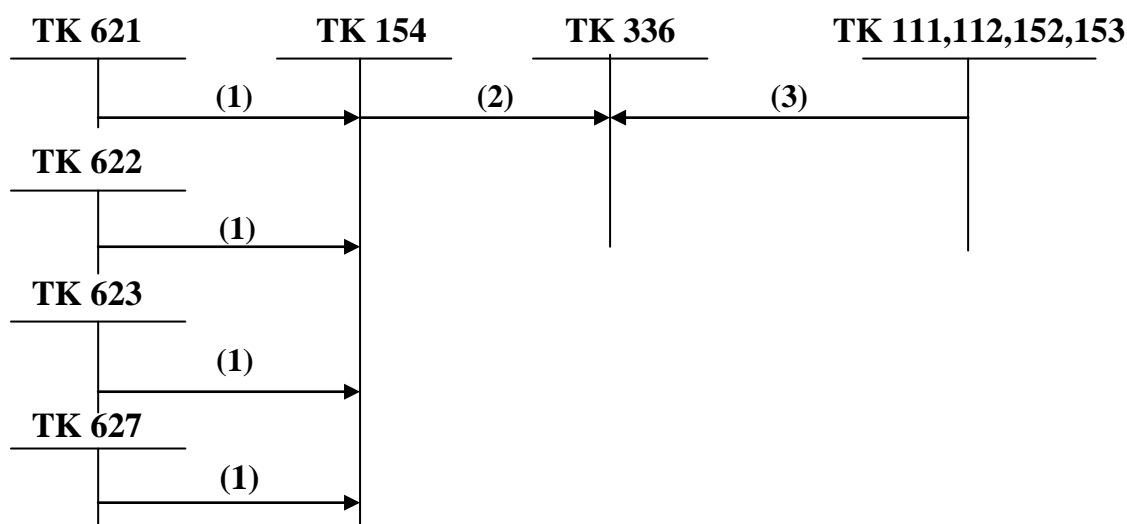
+ Số tiền đã nộp cho Tổng công ty

Bên có: + Số tiền phải nộp cho Tổng công ty

+ Số tiền phải trả cho đơn vị phụ thuộc

Đơn vị nhận khoán không xác định kết quả kinh doanh riêng

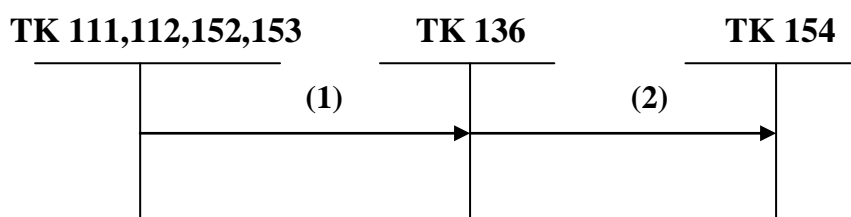
Sơ đồ số 1.7: Hạch toán tại đơn vị nhận khoán



Chú thích:

- (1) Tập hợp chi phí sản xuất
- (2) Khi công trình hoàn thành bàn giao cho đơn vị giao khoán
- (3) Khi nhận tạm ứng về tiền, vật tư

Sơ đồ số 1.8: Hạch toán tại đơn vị giao khoán

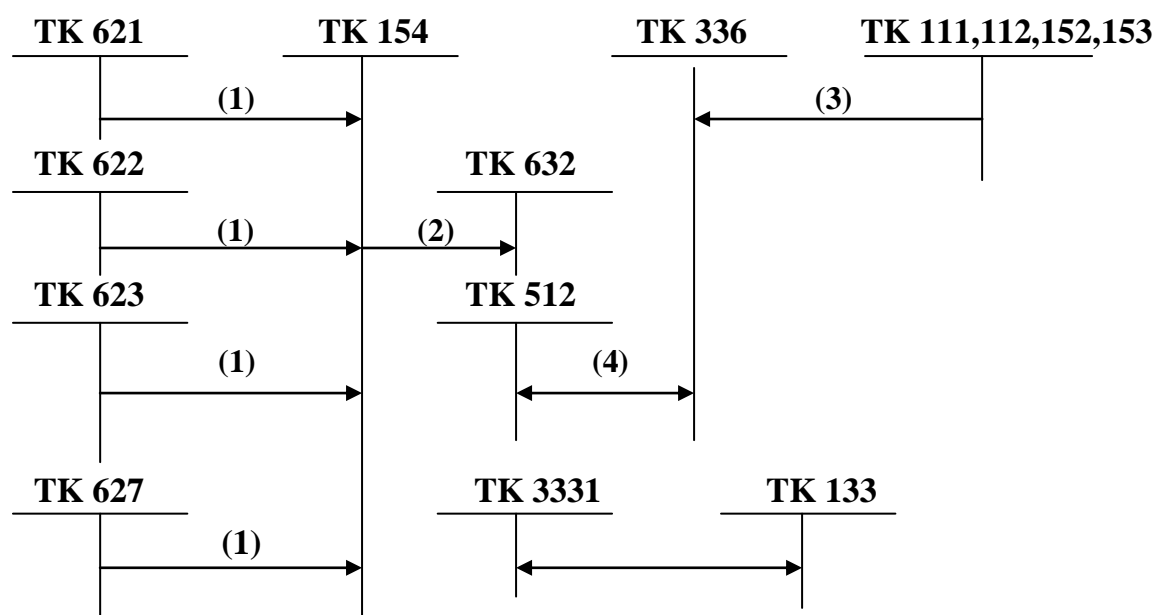


Chú thích:

- (1) Tạm ứng tiền cho đơn vị nhận khoán nội bộ
- (2) Đơn vị nhận khoán bàn giao công trình

Đơn vị phụ thuộc xác định kết quả kinh doanh riêng

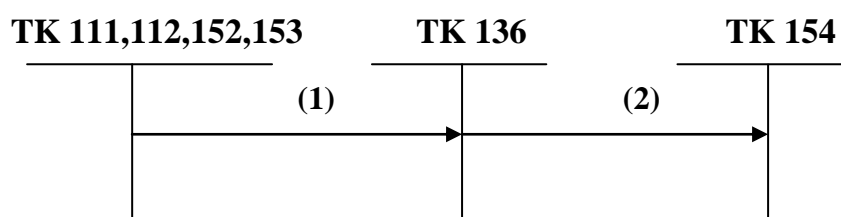
Sơ đồ số 1.9: Hạch toán tại đơn vị nhận khoán



Chú thích:

- (1) Tập hợp chi phí sản xuất
- (2) Khi công trình hoàn thành bàn giao cho đơn vị giao khoán
- (3) Khi nhận tạm ứng về tiền, vật tư
- (4) Ghi nhận doanh thu nội bộ

Sơ đồ số 1.10: Hạch toán tại đơn vị giao khoán



Chú thích:

- (1) Tạm ứng tiền cho đơn vị nhận khoán nội bộ
- (2) Đơn vị nhận khoán bàn giao công trình

5.1.4. Hạch toán các khoản thiệt hại trong xây lắp

5.1.4.1 Thiệt hại phá đi làm lại

Trong quá trình thi công có thể có những khối lượng công trình hoặc hạng mục công trình phải phá đi làm lại để đảm bảo chất lượng công trình. Nguyên nhân gây ra có thể do thiên tai, hỏa hoạn, do lỗi của bên giao thầu (Bên A) như sửa đổi thiết kế hay thay đổi một bộ phận thiết kế của công trình, hoặc có thể do bên thi công (Bên B) gây ra do tổ chức sản xuất không hợp lý, chỉ đạo thi công không chặt chẽ, sai phạm kỹ thuật của công nhân hoặc do nguyên nhân khác từ bên ngoài.

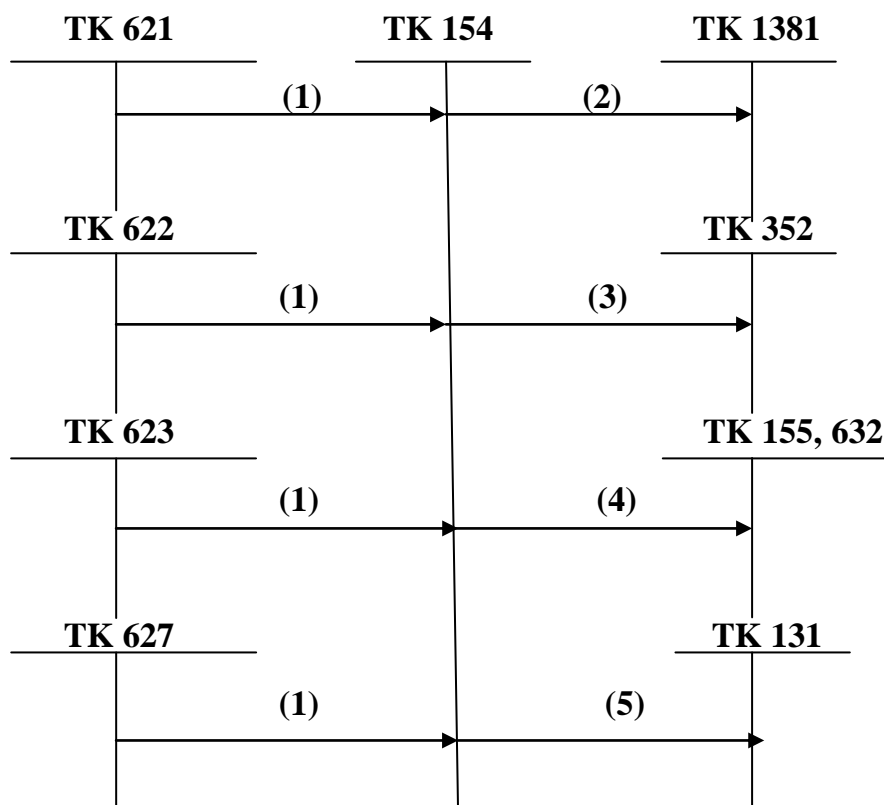
Tùy thuộc vào mức độ thiệt hại và nguyên nhân gây ra thiệt hại để có biện pháp xử lý thích hợp.

Giá trị thiệt hại về phá đi làm lại là số chênh lệch giữa giá trị khối lượng phải phá đi làm lại với giá trị vật tư thu hồi được.

Giá trị thiệt hại phá đi làm lại có thể được xử lý như sau:

- Nếu do thiên tai gây ra được xem như khoản thiệt hại bất thường.
- Nếu do bên thi công gây ra thì có thể tính vào giá thành, hoặc tính vào khoản thiệt hại bất thường sau khi trừ đi phần giá trị bất người phạm lỗi phải bồi thường thiệt hại và phần giá trị phế liệu thu hồi được.
- Nếu do bên giao thầu gây ra thì bên giao thầu phải bồi thường thiệt hại, bên thi công coi như đã thực hiện xong khối lượng công trình và bàn giao tiêu thụ.

Sơ đồ số 1.11: Hạch toán thiệt hại phá đi làm lại



Chú thích:

- (1) Tập hợp chi phí
- (2) Giá trị thiệt hại chưa rõ nguyên nhân
- (3) Giá trị thiệt hại tính vào chi phí bảo hiểm có trích trước
- (4) Giá trị thiệt hại tính vào giá thành xây lắp
- (5) Chủ đầu tư yêu cầu và chịu bồi thường

5.1.4.2 Thiệt hại do ngừng sản xuất

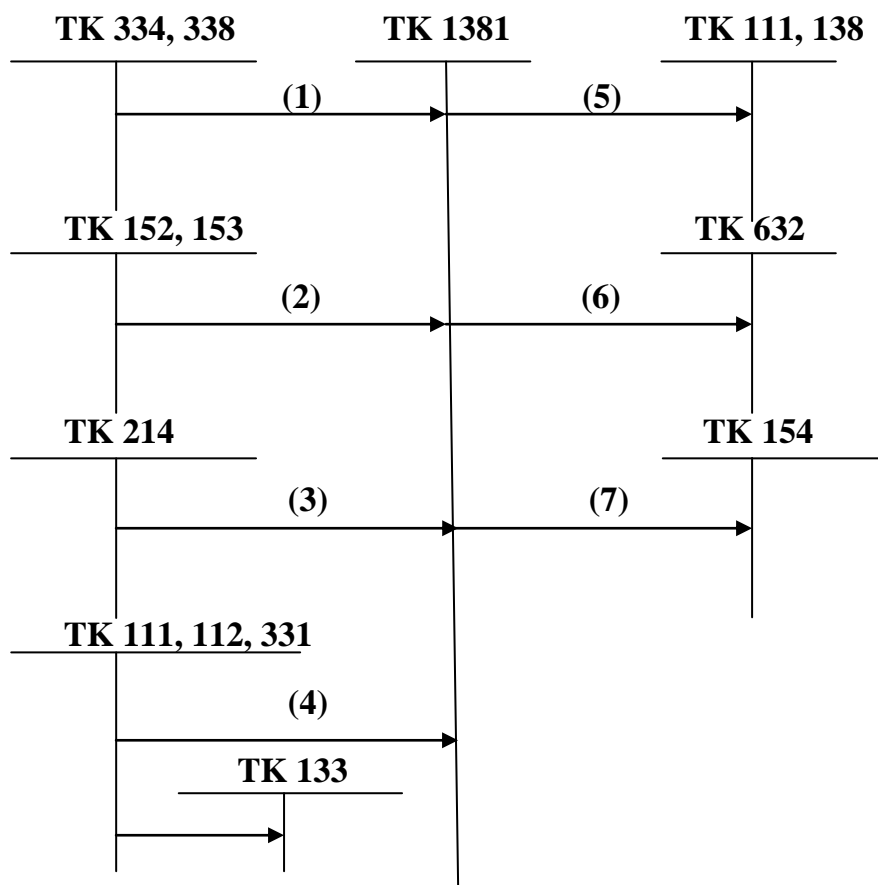
Thiệt hại do ngừng sản xuất là những khoản thiệt hại xảy ra do việc đình chỉ sản xuất trong một thời gian nhất định vì những nguyên nhân khách quan hay chủ quan nào đó. Ngừng sản xuất có thể do thời tiết, do thời vụ hoặc do tình hình cung cấp nguyên vật liệu, máy móc thi công và các nguyên nhân khác.

Các khoản thiệt hại phát sinh do ngừng sản xuất bao gồm: tiền lương phải trả theo thời gian ngừng sản xuất, giá trị nguyên nhiên vật liệu phát sinh trong quá trình sản xuất.

Trong trường hợp ngừng việc theo thời vụ hoặc ngừng theo kế hoạch, doanh nghiệp lập dự toán chi phí trong thời gian ngừng việc và tiến hành trích trước chi phí ngừng sản xuất vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi kết thúc niên độ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành bàn giao, kế toán xác định số chênh lệch giữa số đã trích trước với chi phí thực tế phát sinh.

Nếu chi phí trích trước lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì phải lập bút toán hoàn nhập số chênh lệch.

Sơ đồ số 1.12: Hạch toán thiệt hại do ngừng sản xuất ngoài kế hoạch



Chú thích:

- (1) Tiền lương và các khoản trích theo lương
- (2) Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ trong thời gian ngừng xây lắp
- (3) Khấu hao tài sản cố định
- (4) Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền
- (5) Giá trị thiệt hại thu hồi lại
- (6) Giá trị thiệt hại tính vào giá vốn
- (7) Giá trị thiệt hại tính vào giá thành

5.2. Tổng hợp chi phí sản xuất

* Nội dung và phương pháp hạch toán

Phần hành kế toán này tổng hợp chi phí xây lắp và tính giá thành sản phẩm với các khoản mục chi phí: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy chi công và chi phí sản xuất chung.

* Kế toán cần tôn trọng những quy định sau

Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp quy định chỉ áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, không áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường và phần chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá thành công trình xây lắp mà hạch toán vào giá vốn của kỳ kế toán.

* Tài khoản sử dụng

Tài khoản 154: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Bên nợ: Tập hợp các khoản chi phí cấu tạo giá thành sản phẩm xây lắp theo quy định

Bên có: + Phế liệu thu hồi

+ Giá thành thực tế sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao

Số dư bên nợ

- Chi phí thực tế của sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao
- Chi phí xây lắp còn dở dang cuối kỳ

Tài khoản 154 có 4 tài khoản cấp 2:

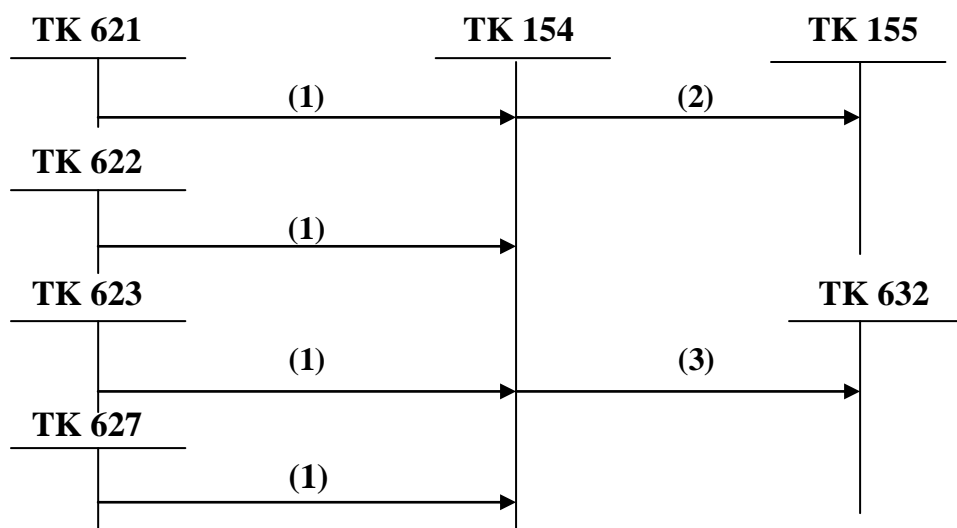
Tài khoản 1541 – Xây lắp

Tài khoản 1542 – Sản phẩm khác

Tài khoản 1543 – Dịch vụ

Tài khoản 1544 – Chi phí bảo hành xây lắp

Sơ đồ 1.13: Hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang



Chú thích:

(1) Tập hợp chi phí sản xuất

(2) Khi công trình hoàn thành chờ tiêu thụ

(3) Khi công trình hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư

5.3. Phương pháp đánh giá SPDD

Trong các doanh nghiệp xây lắp, sản phẩm dở dang là các công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành, bàn giao hoặc chưa được chấp nhận thanh toán cũng như các khối lượng xây lắp dở dang, chưa đạt đến điểm dừng hợp lý.

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán, xác định phần chi phí sản xuất cho khối lượng sản phẩm làm dở cuối kỳ theo những nguyên tắc nhất định.

Muốn đánh giá sản phẩm dở dang một cách chính xác trước hết phải tổ chức kiểm kê chính xác khối lượng xây dựng hoàn thành trong kỳ đồng thời xác định đúng đắn mức độ hoàn thành theo quy ước ở từng giai đoạn thi công để xác định khối lượng sản phẩm dở dang, phát hiện những tồn thất trong quá trình thi công.

Đặc điểm của sản phẩm xây lắp là kết cấu phức tạp, việc xác định chính xác mức độ hoàn thành của nó là rất khó khăn. Vì vậy, khi đánh giá sản phẩm làm dở, kế toán cần kết hợp chặt chẽ với bộ phận kỹ thuật, bộ phận tổ chức lao động để xác định mức độ hoàn thành của khối lượng sản phẩm dở dang một cách chính xác.

Trên cơ sở kết quả kiểm kê sản phẩm làm dở đã tổng hợp được, kế toán tiến hành đánh giá sản phẩm làm dở.

Tuỳ theo đặc điểm sản phẩm, đặc điểm tổ chức sản xuất và quy trình sản xuất mà các doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong các cách đánh giá sản phẩm dở dang sau đây:

5.3.1. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán

Theo phương pháp này chi phí sản xuất thực tế của khối lượng xây lắp dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{Chi phí của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán} + \text{Chi phí của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán}} \times \text{Chi phí của khối lượng xây lắp dở dang theo dự toán} \end{array}$$

5.3.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán

Theo phương pháp này chi phí sản xuất thực tế của khối lượng xây lắp dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \text{Giá trị dự toán khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}} \times \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

5.4. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm

5.4.1. Đối tượng tính giá thành

Xác định đối tượng tính giá thành là công việc cần thiết cho việc tính giá thành sản phẩm của kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất sản phẩm hàng hóa mà doanh nghiệp xác định đối tượng tính giá cho phù hợp. Đó có thể là từng công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp hoàn thành.

Đây là căn cứ để kế toán mở các phiếu tính giá thành sản phẩm, lập theo từng đối tượng phục vụ cho quá trình kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm, tính toán hiệu quả xác định chính xác thu nhập.

5.4.2. Phương pháp tính giá thành

Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp là phương pháp sử dụng số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp trong kì để tính toán tổng giá thành và giá thành đơn vị theo từng khoản mục chi phí quy định cho các đối tượng tính giá thành. Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp tính giá cho phù hợp, có thể chọn một trong những phương pháp sau

Phương pháp tính giá thành trực tiếp: Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến nhất trong các doanh nghiệp xây lắp. Do sản phẩm xây lắp đơn chiếc nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phải phù hợp với đối tượng tính giá thành, kì tính giá thành phải phù hợp với kì báo cáo

Công thức tính như sau $Z = D_{DK} + C - D_{CK}$

Trong đó : Z - tổng giá thành sản phẩm

D_{DK} - giá trị công trình dở dang đầu kì

C - tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kì

D_{CK} - giá trị công trình dở dang cuối kì

Phương pháp tổng cộng chi phí : Phương pháp này áp dụng thích hợp với việc xây lắp các công trình lớn và phức tạp, quá trình xây lắp sản phẩm có thể đưa ra các đội sản xuất khác nhau. Đối tượng tập hợp chi phí là từng đội sản xuất, đối tượng tính giá thành là sản phẩm cuối cùng

Công thức tính như sau $Z = C_1 + C_2 + \dots + C_n$

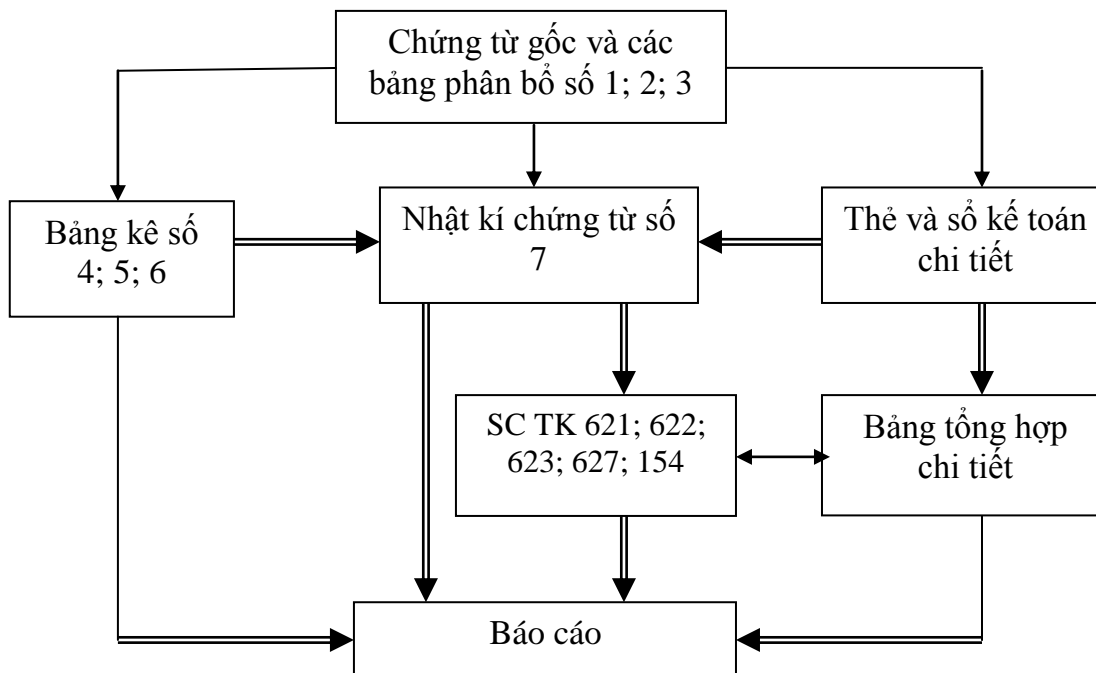
Trong đó C_1, C_2, \dots, C_n là chi phí sản xuất từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình của một công trình tính vào giá thành.

Ngoài hai phương pháp để tính giá thành như trên mà các doanh nghiệp xây lắp hay áp dụng còn một số phương pháp tính giá thành khác như : Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng, phương pháp tính giá thành theo định mức

Việc áp dụng phương pháp tính giá thành nào là tùy thuộc vào đặc điểm và trình độ năng lực sản xuất, trình độ áp dụng công nghệ mới của từng doanh nghiệp.

6. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo các hình thức sổ

6.1. Hình thức Nhật ký chứng từ



Chú thích

- Ghi hằng ngày
- =====→ Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Điều kiện áp dụng

- Phù hợp với doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp thương mại có quy mô lớn
- Đội ngũ nhân viên kế toán đủ nhiều, đủ trình độ
- Đơn vị chủ yếu thực hiện kế toán bằng lao động thủ công

Ưu điểm

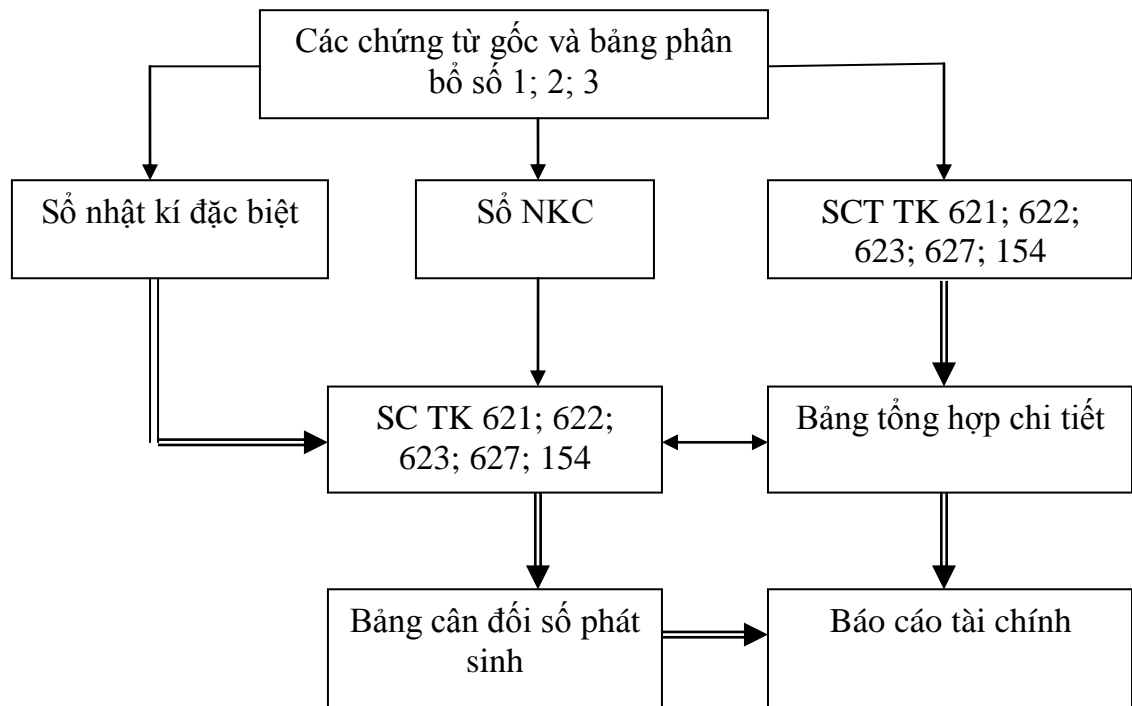
- Tính chuyên môn hóa cao, dễ phân công lao động.
- Giảm ½ khối lượng ghi sổ
- Tính chất đối chiếu, kiểm tra cao
- Tạo kỷ cương cho thực hiện ghi chép sổ sách
- Cung cấp thông tin tức thời cho quản lý

Nhược điểm

- Kết cấu sổ phức tạp, quy mô sổ lớn.
- Khó vận dụng máy tính vào xử lý số liệu

- Đòi hỏi trình độ kế toán cao, quy mô hoạt động doanh nghiệp lớn

6.2. Hình thức Nhật ký chung



Chú thích

- Ghi hằng ngày
- =====→ Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Điều kiện áp dụng

- Kế toán thủ công và kế toán máy
- Loại hình doanh nghiệp đơn giản
- Quy mô kinh doanh vừa và nhỏ
- Trình độ quản lý thấp và trình độ kế toán thấp
- Số lượng lao động kế toán ít

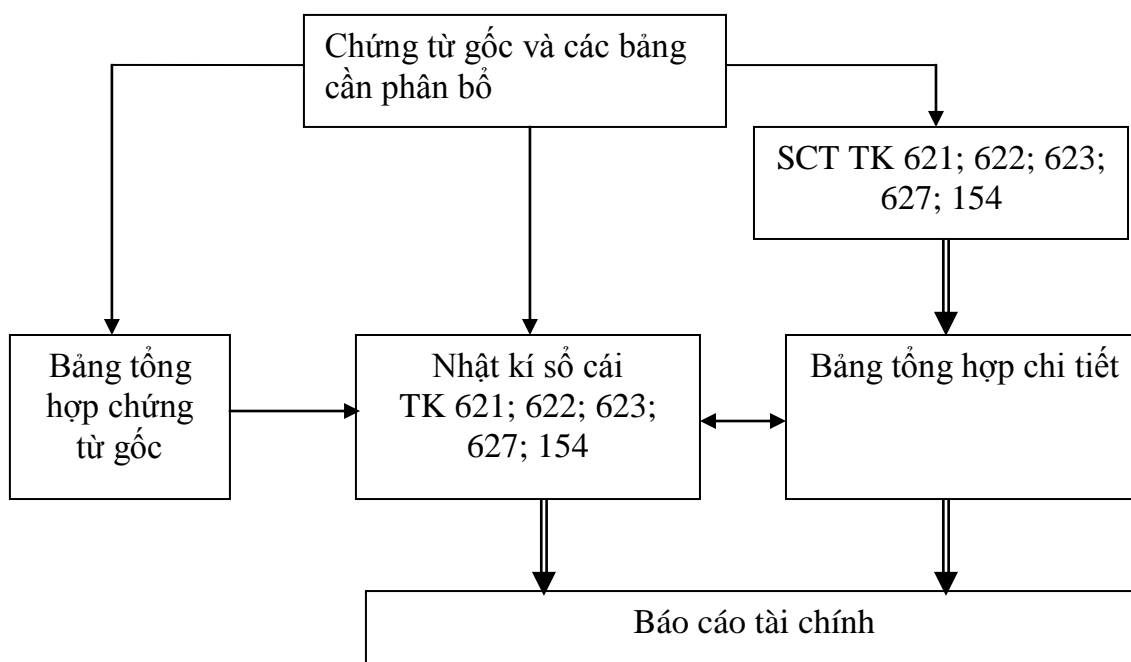
Ưu điểm:

- Dễ ghi
- Dễ đối chiếu
- Có thể phân công lao động kế toán

Nhược điểm:

- Ghi trùng lặp

6.3. Hình thức Nhật kí sổ cái



Chú thích

- Ghi hằng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Điều kiện áp dụng

- Loại hình kinh doanh đơn giản (tránh số quá lớn)
- Quy mô kinh doanh nhỏ, tập trung
- Đơn vị có ít nghiệp vụ phát sinh
- Sử dụng ít tài khoản

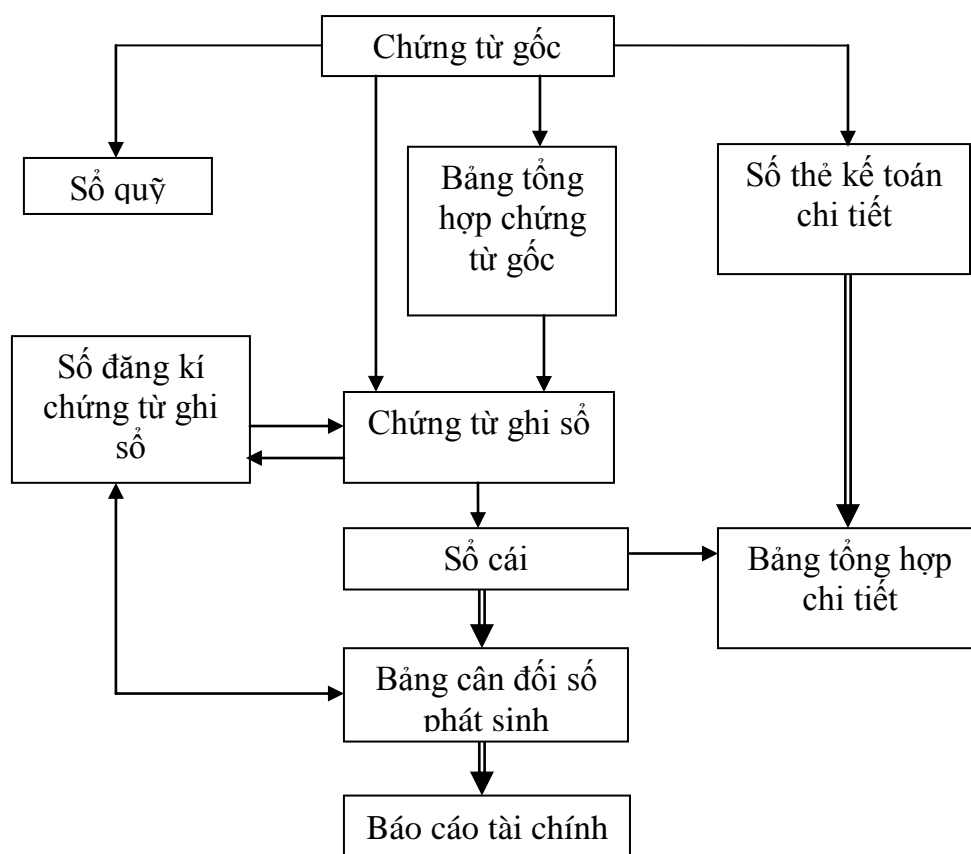
Ưu điểm:

- Dễ ghi
- Dễ đối chiếu
- Số lao động kế toán ít

Nhược điểm:

- Dễ trùng lặp
- Kích thước sổ công kênh
- Khó phân công lao động
- Không phù hợp với đơn vị có quy mô lớn

6.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ



Chú thích

- Ghi hằng ngày
- =====→ Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Điều kiện áp dụng

- Thích hợp với mọi loại quy mô đơn vị
- Phù hợp cả lao động kế toán thủ công và kế toán máy

Ưu điểm

- Ghi chép đơn giản
- Kết cấu sổ dễ ghi
- Dễ đối chiếu
- Kiểm tra
- Sổ từ rời cho phép thực hiện chuyên môn hóa lao động

Nhược điểm:

- Ghi trùng lặp

Chương 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CHI NHÁNH TDC 2.

1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng.

1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

1.1.1. Tên và địa chỉ công ty

Tên Việt Nam : Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng.

Tên tiếng Anh: Teachnology Development Construction JSC.

Tên viết tắt : TDC

Trụ sở công ty : 243A – La Thành –Đống Đa –Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc : Nhà số 6 H17-X2 Đường Phạm Hùng- Từ Liêm- Hà Nội.

Điện thoại : 04.3.766.4652 – 3.834.7590

Fax : 04.3.766.9863

E-mail : tdc-khdt@fpt.vn

Văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh : Số 47 Đường Giải Phóng, phường 4, quận Tân Bình.

Điện thoại /fax: (84).8 118489

1.1.2. Quá trình hình thành công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng (TDC) là doanh nghiệp cổ phần chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước (Công ty Phát triển Kỹ thuật Xây dựng) theo quyết định số 2022/QĐ-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty là doanh nghiệp loại 1, hạch toán độc lập theo quyết định số 965/QĐ-BXD ngày 14 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chi nhánh TDC 2 là một trong 16 chi nhánh của công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng. Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc nhưng hoạt động như một doanh nghiệp độc lập, thực hiện mọi báo cáo tài chính và cũng là chi nhánh có sản lượng doanh thu hàng năm cao nhất ở công ty.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất

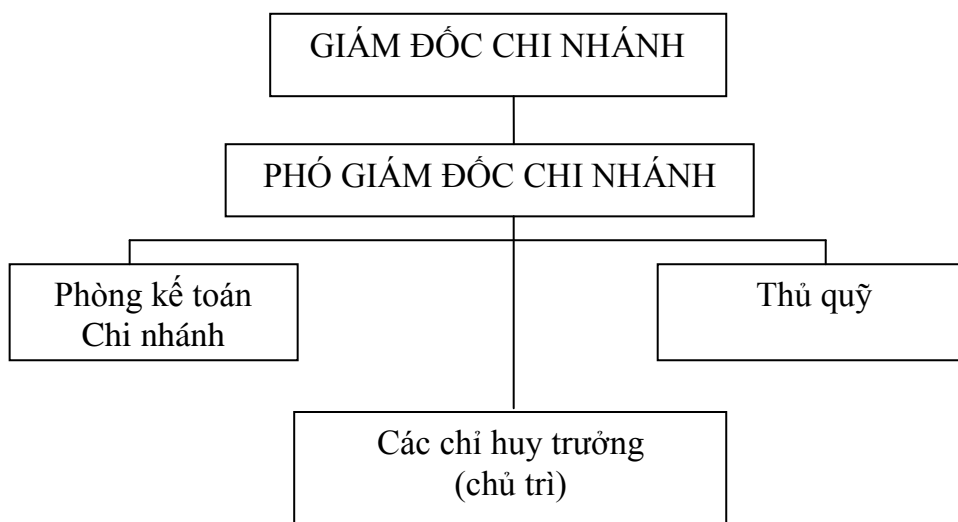
Công ty cổ phần phát triển kỹ thuật xây dựng (TDC) được cấp giấy phép 2005, hoạt động trong các lĩnh vực thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghệ, giao thông thủy lợi, hạ tầng đô thị, tư vấn khảo sát thiết kế, thí nghiệm, thẩm định dự án, hợp tác quốc tế, đầu tư nhà, kinh doanh xuất nhập khẩu....

Tháng 1 năm 2004, công ty đã được Tổng cục Đo lường chất lượng, trung tâm chứng nhận QUACERT cấp chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

Là một trong 16 chi nhánh của công ty, chi nhánh TDC 2 cũng như các chi nhánh khác, là đơn vị trực tiếp thực hiện các hợp đồng xây dựng trên các lĩnh vực. Công ty sẽ kí các hợp đồng với chủ đầu tư và giao thầu cho chi nhánh thực hiện các

hợp đồng đã được kí kết. Các chi nhánh tổ chức thi công xây dựng và tự chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan tới công trình cho tới khi công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng cũng như các hoạt động bảo hành, sửa chữa phát sinh trong quá trình sử dụng công trình nếu có.

1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh



Sơ đồ 2.1 : Đặc điểm tổ chức quản lý của chi nhánh TDC 2

Giám đốc chi nhánh xây dựng chiến lược, mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của Chi nhánh. Tổ chức và điều hành hoạt động của các công trình tại Chi nhánh. Báo cáo Công ty và các cơ quan chức năng về kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh, chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của thông tin và số liệu đã báo cáo.

Phó giám đốc chi nhánh tham mưu, trợ giúp Giám đốc chi nhánh thực hiện các công việc hàng ngày theo sự phân công, ủy quyền. Giám sát tiến độ các công trình đang thi công của Chi nhánh.

Phòng kế toán tham mưu giám đốc Chi nhánh trong lĩnh vực quản lý tài chính và tổ chức hạch toán kế toán. Giám sát hoạt động kinh doanh của Chi nhánh theo đúng các chuẩn mực và Luật Kế toán hiện hành nhằm phản ánh kịp thời, chính xác, đầy đủ các hoạt động kinh doanh của công ty và tình hình tài sản của công ty. Phòng tài chính kế toán có các nhiệm vụ chính sau:

- Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Chi nhánh.
- Theo dõi công nợ của Chi nhánh, phản ánh và đề xuất kế hoạch thu, chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác. Thực hiện công tác thanh toán đối nội và thanh toán quốc tế.

- Thực hiện quyết toán đúng tiến độ giúp cho Giám đốc chi nhánh nắm chắc nguồn vốn, tài sản của Chi nhánh.
- Tổ chức thực hiện công tác kiểm kê hàng năm. Báo cáo tài chính hàng quý, năm trước Công ty.
- Lưu trữ, bảo quản, giữ gìn bí mật các chứng từ, số liệu tài chính kế toán theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý của Chi nhánh.

Thủ quỹ là người có vai trò trong việc quản lý quỹ tiền mặt của Chi nhánh. Thực hiện việc kiểm tra lần cuối về tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ.

- Kiểm tra tiền mặt để phát hiện các loại tiền giả và báo cáo kịp thời.
- Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của Chi nhánh.
- Tự động thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán tổng hợp.
- Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt.
- Chịu trách nhiệm lưu trữ chứng từ thu chi tiền.
- Đảm bảo số dư tồn quỹ phục vụ kinh doanh và chi trả lương cho nhân viên bằng việc thông báo kịp thời số dư tồn quỹ cho kế toán tổng hợp.

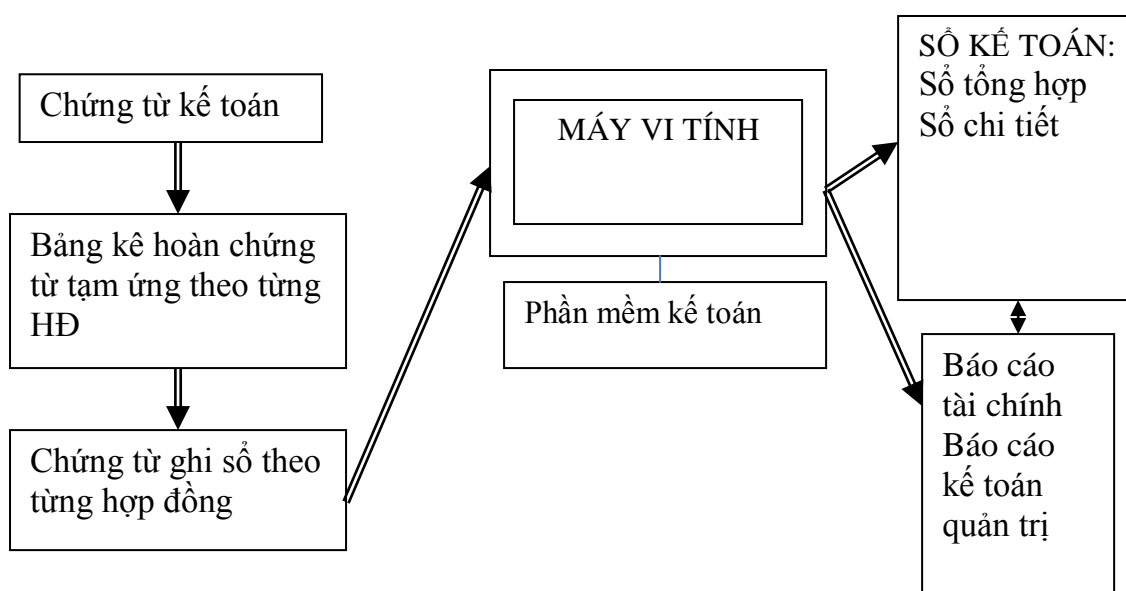
Thuật ngữ chỉ huy trưởng công trình (gọi tắt là chủ trì) dùng để chỉ các kỹ sư xây dựng trong Chi nhánh phụ trách các công trình cụ thể. Những kỹ sư này được coi là có trách nhiệm trực tiếp đối với các công trình, tại nơi thi công công trình. Thường mỗi một công trình sẽ có một kỹ sư chủ trì.

1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại chi nhánh TDC 2

1.4.1. Hình thức kế toán

Chi nhánh thực hiện công tác kế toán theo phần mềm NEWACC 6.0 trên máy vi tính. Do đặc trưng của đơn vị có nhiều hợp đồng thi công diễn ra trong cùng một thời gian, các nghiệp vụ phát sinh nhiều, qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh lớn, sử dụng nhiều tài khoản nên phần mềm kế toán NEWACC 6.0 được thiết kế theo nguyên tắc hình thức nhật ký chung.

Sơ đồ 2.2: Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính :



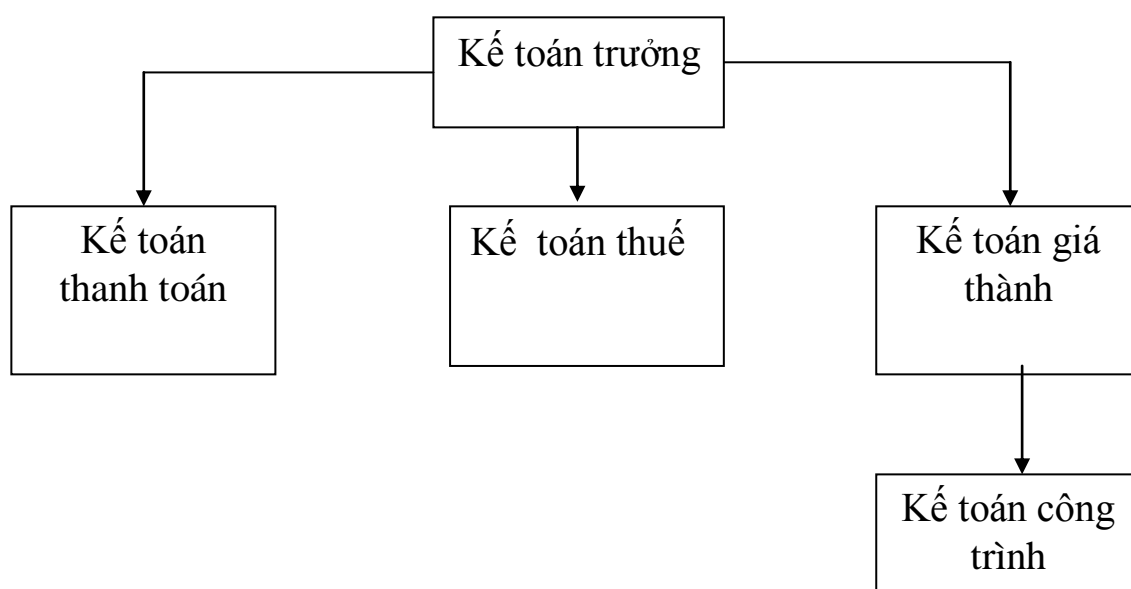
Do đặc thù của ngành xây lắp nói chung và đặc thù của chi nhánh nói riêng, kế toán chi nhánh đã có cách áp dụng linh hoạt chế độ kế toán. Cụ thể như sau: các công trình chi nhánh chịu trách nhiệm thi công nằm trên các tỉnh khác nhau, chủ yếu là xa trụ sở chính của Chi nhánh ở Hà Nội. Chính vì vậy, việc hoàn lại chứng từ phát sinh trong quá trình thi công về cho kế toán chi nhánh ngay và kịp thời là không thể. Vì thế, vào thời điểm cuối tháng, kế toán công trình sẽ tiến hành tập hợp chứng từ cả tháng một lần về cho kế toán chi nhánh. Kế toán sẽ tiến hành thu thập, tập hợp chứng từ, phân loại theo từng hợp đồng, từng đội trưởng sau đó lập Bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng. Bảng kê này được lập theo từng hợp đồng, tên đội trưởng thực hiện hợp đồng, các chứng từ phát sinh trong tháng. Cuối bảng kê là phần diễn giải cụ thể các chi phí phát sinh trong những chứng từ trên vào các khoản mục chi phí, bao gồm cả việc phân bổ chi phí nếu có. Bảng kê này phải có các chứng từ gốc, hợp lệ đi kèm và nó chính là cơ sở để kế toán giá thành lập chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ được lập ở đây có hình thức hoàn toàn khác với chứng từ ghi sổ của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ. Nó đơn giản là việc định khoản một cách đơn thuần theo bảng kê vào các tài khoản chi phí, các tài khoản thu hộ, chi hộ và các tài khoản có liên quan khác làm căn cứ để kế toán giá thành nhập số liệu vào phần mềm kế toán.

1.4.2. Tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị:

Vì hạch toán phụ thuộc đối với công ty nên phòng kế toán Chi nhánh chủ yếu thực hiện nhiệm vụ tập hợp chi phí và tính giá thành các công trình mà đơn vị chịu trách nhiệm thi công. Chi nhánh có nghĩa vụ hàng quý phải tổng hợp chi phí và lập báo cáo quý về công ty. Theo thực tế thì nguồn vốn của chi nhánh sử dụng chính là nguồn vốn của công ty. Phòng kế toán của công ty sẽ có trách nhiệm giám sát nguồn

vốn cấp cho chi nhánh thông qua các đơn xin vay vốn của chi nhánh. Công việc của phòng kế toán chi nhánh có liên quan mật thiết đến phòng kế toán của công ty, do đó mà phòng kế toán của chi nhánh tương đối nhỏ gọn với 3 nhân viên, bao gồm: kế toán thuế, kế toán thanh toán, kế toán giá thành và 1 thủ quỹ. Cơ cấu của phòng kế toán được bố trí như sau:

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán chi nhánh TDC 2:



Công việc của phòng kế toán được phân công cụ thể như sau:

- Kế toán trưởng: Tập hợp những phần hành mà các kế toán viên đã làm, kiểm tra đối chiếu và lập báo cáo tài chính
- Kế toán công trình: Kế toán tại công trình có nhiệm vụ giúp chủ trì tập hợp chứng từ, phân loại chứng từ tại công trình giúp chủ trì hoàn chứng từ về chi nhánh.
- Kế toán thanh toán: kế toán về thanh toán, vay trả, theo dõi toàn bộ công nợ, thu chi của nội bộ chi nhánh và bên ngoài, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
- Kế toán giá thành: Tập hợp chứng từ, lập bảng kê tập hợp và phân bổ chi phí theo từng hợp đồng, lập chứng từ ghi sổ, nhập số liệu vào phần mềm, tiến hành tính giá thành, thực hiện các bước quyết toán bàn giao công trình, ghi nhận doanh thu.

- Kế toán thuế: Tập hợp chứng từ, phân loại chứng từ, kê khai các chứng từ vào phần mềm kế toán, tiến hành tính các khoản thuế phải nộp cho cơ quan thuế.

1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại chi nhánh:

Thống nhất với toàn công ty, chi nhánh áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Theo đó, danh mục tài khoản, chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính kế toán đều tuân theo những quy định bắt buộc hoặc hướng dẫn trong Quyết định này. Tuy nhiên, do thực hiện công việc kế toán trên máy vi tính theo phần mềm kế toán nên một số sổ sách có những khác biệt so với mẫu sổ được quy định.

2. Thực trạng công tác kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại chi nhánh TDC 2.

2.1. Đặc điểm đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm.

TDC 2 là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng, có mô hình hoạt động như sau:

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng có đầy đủ năng lực tham gia đấu thầu các công trình thuộc các lĩnh vực quy định trong giấy phép hành nghề. Khi trúng thầu, Công ty sẽ ký hợp đồng kinh tế với bên A (bên giao thầu) và giao hợp đồng này cho 1 trong 16 chi nhánh tùy vào khả năng và đề nghị của chi nhánh đó, hợp đồng này là hợp đồng giao khoán. Hợp đồng này ghi rõ nội dung công việc, trách nhiệm và quyền lợi mỗi bên cũng như thời gian thực hiện hợp đồng. Khi hợp đồng giao khoán có hiệu lực, chi nhánh nhận hợp đồng có trách nhiệm với công trình được giao. Từ thời điểm này cho tới khi công trình hoàn thành, chi nhánh sẽ là đơn vị chịu trách nhiệm trước công ty về mọi hoạt động giao dịch của công trình. Khi khối lượng công việc nhận thầu hoàn thành, hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng.

Để nghiên cứu một cách có hệ thống về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại chi nhánh, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài em xin lấy số liệu của hợp đồng thiết kế - xây dựng: Số 021/010/EC

Thi công công trình: Trung Tâm Điều Dưỡng Thương Binh Nho Quan

Gói thầu số 01: Lập thiết kế bản vẽ thi công và thi công xây lắp

Đây là công trình đã khởi công trong năm 2011 và bàn giao trong năm 2012

Em xin lấy số liệu của công trình vào tháng 12 năm 2012

Dự án: Nhà làm việc liên cơ quan cho các đơn vị thuộc Sở Lao Động – Thương Binh và Xã Hội tỉnh Ninh Bình, Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng đã trúng thầu gói thầu số 01: Thiết kế bản vẽ thi công và thi công xây lắp. Căn cứ quyết định trúng thầu và thông báo trúng thầu, chủ đầu tư (bên A): Văn phòng Sở Lao Động

– Thương Bình và Xã Hội tỉnh Ninh Bình và nhà thầu (bên B): Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng ký kết Hợp đồng kinh tế số 021/010/EC). Nội dung gói thầu số 01: Thiết kế bản vẽ thi công và thi công xây lắp có giá trị hợp đồng là 15.431.451.000 đồng, bao gồm

- Phần thiết kế có giá trị hợp đồng là: 832.939.000 đồng, thuộc hình thức hợp đồng: Theo tỷ lệ % giá trị xây lắp trong tổng dự toán được phê duyệt
- Phần xây lắp có giá trị hợp đồng là: 14.598.512.000 đồng, thuộc hình thức hợp đồng: Theo đơn giá

Hợp đồng này quy định đối tượng hợp đồng (gói thầu số 01), trách nhiệm của nhà thầu và chủ đầu tư cũng như các điều khoản khác có liên quan tới việc Sở Lao Động – Thương Bình và Xã Hội tỉnh Ninh Bình giao cho Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng thi công xây lắp các hạng mục công trình của gói thầu số 01.

Sau khi hợp đồng kinh tế giữa Sở Lao Động – Thương Bình và Xã Hội tỉnh Ninh Bình và Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng có hiệu lực, Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng xét khả năng và đề nghị của chi nhánh TDC 2, ký kết Hợp đồng giao khoán với chi nhánh, nội dung là giao cho chi nhánh TDC 2 thi công gói thầu số 01 theo đúng nội dung hợp đồng kinh tế số 021/010/EC đã ký kết với công ty với bên A: Sở Lao Động – Thương Bình và Xã Hội tỉnh Ninh Bình. Hợp đồng này có giá trị như một bản giao kèo do đó, chi nhánh TDC 2 phải có trách nhiệm với việc thi công công trình. Kể từ thời điểm hợp đồng giao khoán có hiệu lực, chi nhánh TDC 2 là đối tượng chịu trách nhiệm chính đối với công trình được giao. Theo hợp đồng này, chi nhánh sẽ được nhận 95% giá trị hợp đồng sau thuế từ công ty để thực hiện hợp đồng giao khoán .

Cũng như các công trình khác, công trình gói thầu số 01 này sẽ do một chỉ huy trưởng đảm nhiệm, cụ thể là ông Lê Hồng Hà. Trách nhiệm của ông Lê Hồng Hà là có mặt tại công trình, chỉ huy trực tiếp thi công công trình. Các chứng từ liên quan tới việc mua bán vật liệu, dịch vụ, các hợp đồng giao khoán với các thầu phụ thi kế toán tại công trình có trách nhiệm tập hợp chứng từ để các chủ trì hoàn chứng từ chuyển cho kế toán giá thành tại chi nhánh để tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành cho công trình khi công trình hoàn thành.

Do đặc thù của ngành cũng như điều kiện thực tế nên định kỳ vào thời điểm cuối tháng, chủ trì có trách nhiệm tập hợp chứng từ phát sinh trong tháng, chuyển chứng từ về cho kế toán tại chi nhánh. Từ đó làm căn cứ tính giá thành sản phẩm.

Khi đến hạn thanh toán cho các nhà cung cấp, dựa vào các hóa đơn chứng từ chủ trì sẽ có trách nhiệm thay mặt Chi nhánh thanh toán và làm xác nhận thanh toán với nhà cung cấp. Chi nhánh sẽ thanh toán với nhà cung cấp theo hình thức chuyển khoản

thông qua chủ trì. Vì lẽ trên nên thông thường Chi nhánh sẽ chỉ ứng trước cho chủ trì tiền lương công nhân trực tiếp tham gia thi công công trình.

Như đã nói ở trên, đặc thù của ngành xây lắp có những điểm rất khác biệt: sản phẩm là đơn nhất, giá trị cao, thời gian thi công kéo dài, tính biến động lớn. Chính vì vậy, kế toán tập hợp chi phí sản xuất cũng có những điểm rất khác biệt. Chi nhánh cùng một lúc thực hiện rất nhiều hợp đồng tại nhiều địa điểm khác nhau nên toàn bộ chi phí sản xuất được tập hợp riêng cho từng công trình.

Áp dụng đối với công trình 021/010, do ông Lê Hồng Hà làm chỉ huy trưởng, các tài khoản chi phí sản xuất được sử dụng là :

TK 621 (021/010)

TK 622 (021/010)

TK 623 (021/010)

TK 627 (021/010)

TK 154 (021/010)

Quy trình hạch toán chi phí sản xuất tại chi nhánh:

- Nhận chứng từ
- Phân loại chứng từ theo từng hợp đồng, công trình
- Lập bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng cho từng công trình, hợp đồng
- Lập chứng từ ghi sổ căn cứ vào bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng
- Cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán theo chứng từ ghi sổ.

2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm: nguyên vật liệu xây dựng để thực hiện cho việc thi công các công trình, hạng mục công trình của các hợp đồng thuộc phạm vi trách nhiệm thi công của chi nhánh như: gạch, xi măng, đá cát, sắt thép, nhôm kính,... và các vật tư thiết bị được coi là nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng, chi phí vận chuyển NVL cho từng công trình xây dựng cụ thể.

Các chứng từ sử dụng hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

- **Phiếu đề nghị mua vật tư:**

Do chỉ huy trưởng công trình đề nghị kế toán công trường dựa vào nhu cầu nguyên vật liệu của công trình lập chuyển về cho chi nhánh để giám đốc chi nhánh duyệt, cho phép mua nguyên vật liệu, cũng để làm cơ sở để kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Trên thực tế, phiếu đề nghị mua vật tư có vai trò như một thông báo tới chi nhánh của chỉ huy trưởng về việc mua vật tư sử dụng cho công trình.

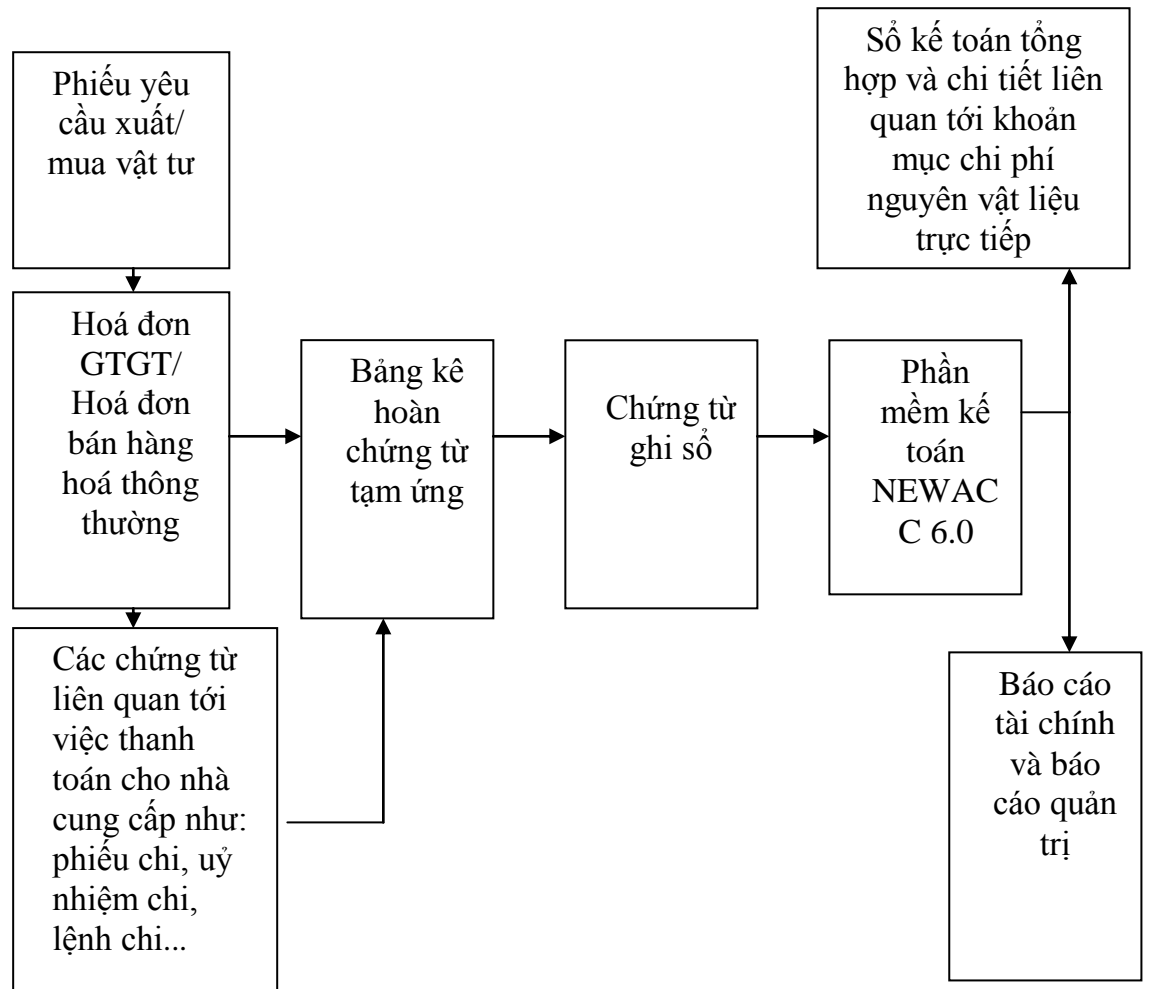
- Hoá đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng hoá thông thường:

Trong công tác kế toán hạch toán nguyên vật liệu trực tiếp thì đây là chứng từ quan trọng nhất. Vì đây là chứng từ để kế toán tiến hành ghi sổ, hạch toán chi phí cho công trình khi hoàn thành.

Mọi giao dịch tại chi nhánh có liên quan tới các nghĩa vụ với Nhà nước, như hoá đơn mua hàng, có liên quan tới thuế GTGT thì đều được thực hiện dưới danh nghĩa của công ty- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng.

Khi nhận được hoá đơn từ nhà cung cấp, kế toán tại công trình có trách nhiệm kiểm tra hoá đơn, chuyển cho chỉ huy trưởng ký nhận và tập hợp các hoá đơn phát sinh trong tháng để cuối tháng chuyển hoá đơn về cho kế toán tập hợp chi phí tại chi nhánh hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho công trình. Các hoá đơn phát sinh trong tháng đều được tập hợp vào bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng và lập mỗi tháng một lần cho từng hợp đồng, bảng kê này kẹp cùng phiếu đề nghị mua vật tư (nếu có), phiếu chi (nếu đã chi trả cho nhà cung cấp bằng tiền mặt); uỷ nhiệm chi, lệnh chi của ngân hàng (trong trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản). Các hoá đơn, bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng và chứng từ ghi sổ là căn cứ ghi nhận chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và kê khai thuế GTGT được khấu trừ.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chứng từ tại chi nhánh



Vào thời điểm cuối tháng 12, ông Lê Hồng Hà tiến hành hoàn chứng từ về cho kế toán tại chi nhánh.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho người mua

Mẫu 01GTKT3/001

Ngày 01 tháng 12 năm 2012

Ký hiệu: HL/11P

Số: 0000019

Đơn vị bán hàng: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ VÀ THƯƠNG MẠI
HOÀNG LONG

Địa chỉ: Phố Bái – thị trấn Nho Quan – tỉnh Ninh Bình

Số tài khoản: 3305201001480 – Tại ngân hàng NN&PTNT – chi nhánh Nho Quan

ĐT: 0303.867501 – 0915.178856

MST: 2700532765

Họ tên người mua hàng: Lê Hồng Hà

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Địa chỉ: 243A – La Thành – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 04.3.766.4652 – 3.834.7590

Số tài khoản: 431101001030

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0100106200

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Giỏ sắt	Tấn	0,95	25.000.000	23.750.000
02	Hoa sắt	Tấn	2,8	25.000.000	70.000.000

Cộng tiền hàng: 93.750.000

Thuế suất thuế GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: 9.375.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 103.125.000

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm hai nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng số 2.1: Bảng kê hoàn chứng từ nguyên vật liệu

BẢNG KÊ HOÀN CHỨNG TỪ TẠM ỨNG

Hợp đồng : 21/010

Số 80aCP

Công trình: Trung Tâm Điều Dưỡng Thương Binh Nho Quan

Chi nhánh TDC 2

ĐVT: đồng

STT	Tên	ĐVT	SL	Số hóa đơn	Số tiền	Thuế VAT
1	Hoa sắt			0000019	93.750.000	937.500
	DNTN cơ khí và TM Hoàng Long				93.750.000	937.500

TỔNG SỐ VAT ĐƯỢC KHẤU TRỪ: 937.500

TỔNG CHI PHÍ: 93.750.000

CP THẦU PHỤ:

I – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 93.750.000

GIÁM ĐỐC CN KẾ TOÁN TT CHỈ HUY TRƯỞNG NGƯỜI LẬP

Sau khi lập bảng kê, kế toán giá thành tập hợp chứng từ vào *Bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng 021/010*. Kế toán giá thành tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu về số hoá đơn, số tiền, số thuế VAT,... ở bảng kê so với các chứng từ đi kèm. Sau khi kiểm tra, kế toán giá thành lập chứng từ ghi sổ. Nội dung của chứng từ ghi sổ như sau:

Bảng số 2.2: Chứng từ ghi sổ nguyên vật liệu

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CN C.TY CPPTKT XÂY DỰNG

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 80a CP

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
	NỢ	CÓ	
DNTN cơ khí và TM Hoàng Long cấp hoa sắt HĐ 020/010	33631	33131	9.375.000
	621	3311	93.750.000

Người vào sổ

PT Kế toán

Người lập

Chứng từ ghi sổ này có một số điểm cần lưu ý như sau:

Thứ nhất, như đã nói ở trên, kế toán chi nhánh dùng hình thức nhật ký chung để ghi sổ. Tuy nhiên, chứng từ ghi sổ này chỉ tiến hành định khoản một cách giản đơn các nghiệp vụ đã phát sinh vào bảng kê hoàn chứng từ, làm căn cứ để cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán. Chính vì vậy, các tài khoản được viết dưới hình thức chung, phần mềm kế toán sẽ thực hiện chi tiết các tài khoản khi kế toán giá thành cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán, phát sinh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán ghi Nợ TK621/Có TK 3311. Khi cập nhật số liệu, TK 621 sẽ được chi tiết thành TK 621(021/010), TK 3311 là tài khoản “phải trả người bán” theo dõi chi tiết theo từng nhà cung cấp.

Thứ hai, bản thân chi nhánh không có tài khoản thuế (TK 133 và TK 333), những nghiệp vụ phát sinh liên quan tới thuế được định khoản thông qua TK 336 - phải trả nội bộ. Như vậy, chi nhánh thông qua công ty nộp thuế cho Nhà nước khi bán sản phẩm xây lắp và cũng thông qua công ty nhận phần thuế được khấu trừ, nếu có, khi mua hàng hoá, dịch vụ. ghi nhận chi tiết 33631 ở đây là chi tiết của chi nhánh TDC 2, phân biệt với các chi nhánh khác trong công ty. Chi nhánh TDC 2 sử dụng tài khoản 33631 do chi nhánh là đơn vị phụ thuộc có tổ chức bộ máy kế toán riêng và các khoản phải thu, phải trả sẽ được tập hợp, theo dõi, đối chiếu với công ty trên tài khoản 33631.

Thứ ba, tài khoản 33131 – Phải trả VAT các công trình cũng được chi nhánh sử dụng để định khoản những nghiệp vụ phát sinh tới thuế. Khi đến hạn thanh toán với các nhà cung cấp, chỉ huy trưởng có trách nhiệm thanh toán và xác nhận thanh toán cho các nhà cung cấp bao gồm giá trị nguyên vật liệu và thuế. Do vậy, chi nhánh thông qua chỉ huy trưởng để trả phần thuế GTGT khi mua nguyên vật liệu hoặc các dịch vụ mua ngoài. Ở đây, phần thuế vẫn nằm trong khoản “Phải trả người bán” nhưng đã được chi nhánh tách riêng ra tài khoản chi tiết 33131 của chi nhánh để theo dõi và đối chiếu với tài khoản 33631- phần thuế phải thu của công ty. Một công trình sẽ được công ty giao khoán cho 1 hay nhiều chi nhánh cùng thực hiện thi công. Vì lẽ đó, chi nhánh ghi nhận chi tiết 33131 theo từng chỉ huy trưởng và cũng là tài khoản chi tiết của chi nhánh TDC2, phân biệt với các chi nhánh khác trong công ty.

Sau khi vào chứng từ ghi sổ, kế toán giá thành sẽ tiến hành cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán. Phần mềm sẽ tự động vào các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết, cụ thể là:

Sổ chi tiết các tài khoản: phải trả người bán, theo dõi chi tiết theo từng nhà cung cấp; chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi tiết công trình 021/010 và đây cũng là căn cứ để lập báo cáo tài chính của chi nhánh sau này.

Sổ nhật ký chung ghi nhận mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của tất cả các công trình, hợp đồng theo trình tự được cập nhật.

Sổ cái các tài khoản, ở đây lấy tài liệu mẫu là *Sổ cái tài khoản 621* ghi nhận mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của tất cả các công trình, hợp đồng.

Đến ngày 31/12/2012, công trình hoàn thành, mọi chi phí liên quan tới nguyên vật liệu trực tiếp đã được cập nhật vào phần mềm bằng các định khoản kế toán. Phần mềm sẽ tự động vào các sổ tổng hợp và chi tiết. Ở đây, ta quan tâm tới *sổ chi tiết tài khoản 621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của hợp đồng 021/010*

Bảng số 2.3: Sổ chi tiết tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

CT CPPTKT XÂY DỰNG – TDC2

TÀI KHOẢN 621 – CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Từ ngày : 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số CT	Ngày CT	Nội dung	Phát sinh trong kỳ	
			Số tiền nợ	Số tiền có
80aCP	31/12/12	HD 021/0110 – Nhà điều	659.230.000	659.230.000
		Dưỡng Nho Quan		
		Nguyên vật liệu trực tiếp	659.230.000	
82aCP	31/12/12	DNTN cơ khí và TM Hoàng	93.750.000	
		Long		
1731	31/12/12	CT TNHH MTV TM và XD Việt Tuyến Kết chuyển chi phí	565.480.000	659.230.000

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Bảng số 2.4: Sổ NKC

CN C.TY CPPTKT XD – TDC2

NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày: 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số CT	Ngày CT	Nội dung	Tài khoản	Số tiền nợ	Số tiền có
80aCP	31/12/2012	Ô.Hà HCT HĐ021/010			
		Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (các CT)	33631	9.375.000	
		Phải trả VAT các công trình	33131		9.375.000
		Chi phí NVL TT	621	93.750.000	
		Phải trả người bán	3311		93.750.000
82aCP	31/12/2012	Ô.Hà HCT HĐ021/010			
		Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (các CT)	33631	56.548.000	
		Phải trả VAT các công trình	33131		56.548.000
		Chi phí NVL TT	621	565.480.000	
		Phải trả người bán	3311		565.480.000

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Bảng số 2.5: Sổ cái tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

CN C.TY CPPTKT XD – TDC2

TÀI KHOẢN 621

Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

STT	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	HĐ 011/09- Tòa nhà IDC Bình Dương			71.568.750	71.568.750		
.....						
6	HĐ 021/010- Nhà điều dưỡng Nho Quan			659.230.000	659.230.000		
.....						
	Tổng cộng			43.234.451.393	43.234.451.393		

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Chú thích: Trên sổ cái của các tài khoản chỉ thể hiện số tổng chi phí và không thể hiện từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.2.2. *Kế toán chi phí nhân công trực tiếp*

2.2.2.1. *Đặc điểm của chi phí nhân công trực tiếp*

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm toàn bộ chi phí về tiền lương, các khoản có tính chất lương của công nhân trực tiếp thi công tại các công trình, hợp đồng. Việc thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo chế độ Nhà nước quy định. Hàng tháng chi nhánh phải tính các khoản trích theo lương theo tỷ lệ 32,5% trên tổng tiền lương trong đó 23% được tính vào chi phí nhân công trực tiếp của công trình, 9,5% được tính trừ vào tiền lương của công nhân. tỷ lệ và được tính cụ thể như sau:

Bảng số 2.6 : Các khoản trích theo lương

Các khoản mục	Đưa vào chi phí	Trừ vào lương	Tổng
BHXH	17%	7%	24%
BHYT	3%	1,5%	4,5%
KPCĐ	2%		2%
BHTN	1%	1%	2%
Tổng	23%	9,5%	32,5%

Các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN được trích theo lương cơ bản. Khoản trích KPCĐ được trích theo tổng tiền lương trả cho người lao động

Do đặc thù của ngành xây dựng, để đảm bảo công trình thi công được đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ yêu cầu thì đòi hỏi công nhân có tay nghề và chuyên sâu vào hạng mục cụ thể của công trình. Ngoài ra, công trình thường được thi công trên những tỉnh khác nhau nên đội ngũ công nhân trực tiếp thường được tuyển chọn tại địa phương nơi công trình thi công. Do vậy đội ngũ công nhân trực tiếp xây dựng công trình đều là những lao động kí hợp đồng ngắn hạn.

Khác với nguyên vật liệu trực tiếp, việc mua, sử dụng được giao cho chủ trì mỗi công trình, việc trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất do kế toán tại chi nhánh đảm nhiệm. Số lượng công nhân tại các công trình là do chủ trì nghiên cứu thực tế quyết định, sau đó chủ trì gửi danh sách công nhân về cho chi nhánh. Trong cả quá trình thi công công trình, sự thay đổi về nhân lực, các chủ trì phải thông báo về cho chi nhánh. Việc thanh toán tiền lương hàng tháng cho công nhân, chi nhánh sẽ chi trả thông qua các chủ trì dựa trên bảng chấm công của công nhân tại công trình.

Việc trả lương được tiến hành thông qua hình thức trả lương theo thời gian, đơn giá tiền lương phụ thuộc vào khối lượng công việc hoàn thành. Hình thức trả lương này góp phần thúc đẩy quá trình sản xuất và khuyến khích lao động tích cực, tạo hiệu quả cao. Tuy nhiên để tránh tình trạng định mức tiền lương quá cao hoặc quá thấp so với thực tế, do quá trình thi công kéo dài, tính biến động cao, công ty phải xây dựng

một định mức tiền lương hợp lý, phù hợp với mặt bằng chi phí tiền lương của chi nhánh, của Công ty cũng như của ngành xây dựng.

Tại chi nhánh thì có các hình thức trả lương khác nhau tùy vào tính chất công việc nhưng tại các công trường xây dựng, lương của công nhân trực tiếp sản xuất áp dụng hình thức lương thời gian.

Tại mỗi công trình, hợp đồng, đối với từng hạng mục công trình, các chủ trì sẽ tiến hành dự trù khối lượng nhân công cho từng tổ đội sản xuất. Căn cứ vào bảng dự trù này, chủ trì các công trình tạm ứng lương hàng tháng đồng thời kế toán hạch toán vào TK 141 - tạm ứng, chi tiết cho từng hợp đồng, dự án.

Dựa vào dự toán trúng thầu, chủ trì công trình sẽ bóc tách tổng chi phí nhân công theo khối lượng, đó là cơ sở để chủ trì công trình lập bảng chia lương xác định đơn giá tiền lương của từng công nhân.

Trong quá trình thi công công trình, kế toán các công trình chính là người lập bảng chấm công theo dõi sự biến động của số lượng công nhân tại công trường cũng như mức độ lao động của từng công nhân. Căn cứ vào bảng chấm công này, kế toán tại công trình sẽ giúp chủ trì chia phần lương tạm ứng đã nói ở trên.

Căn cứ vào bảng chấm công, lương cho từng cá nhân được tính như sau:

Tiền lương tháng = Đơn giá tiền lương * Tổng ngày công trong tháng

Cuối mỗi tháng, kế toán tại công trình chốt số liệu và gửi bảng chấm công về cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại chi nhánh, kế toán tiến hành lập bảng thanh toán tiền lương trên cơ sở bảng chấm công được cung cấp và thanh toán lương trên cơ sở đối chiếu thực tế với phần đã tạm ứng. Bảng thanh toán tiền lương, cùng với bảng chấm công được kế toán giá thành lấy làm căn cứ để vào bảng kê chứng từ tạm ứng của tháng. Kế toán giá thành tiến hành kiểm tra và lập chứng từ ghi sổ, hạch toán khoản mục chi phí nhân công trực tiếp và các tài khoản liên quan. Số liệu được cập nhật vào phần mềm, chi phí nhân công trực tiếp được tự động chuyển về sổ chi tiết chi phí nhân công trực tiếp, chi tiết cho từng công trình, dự án. Đây chính là cơ sở tính giá thành công trình xây lắp khi công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

Như vậy, việc thanh toán lương cho công nhân bao giờ cũng được thực hiện trước khi ghi nhận nghiệp vụ phát sinh liên quan tới việc chi trả công nhân viên và ghi nhận vào khoản mục chi phí nhân công trực tiếp. Điều này có nghĩa là TK 334 không bao giờ có số dư, đó cũng là nguyên tắc hạch toán tại chi nhánh.

2.2.2.2. Trình tự hạch toán

Đối với khoản mục chi phí nhân công trực tiếp này, các tài khoản chủ yếu được sử dụng là:

TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp: phản ánh chi phí tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp thi công tại từng công trình, hợp đồng theo số thực tế phát sinh căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương hàng tháng. Tài khoản này được theo dõi chi tiết theo từng công trình, hợp đồng nhằm mục đích tập hợp chi phí, tính giá thành cho từng công trình, hợp đồng khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng (VD: TK 622(021/010): tài khoản hạch toán chi tiết chi phí nhân công trực tiếp của công trình 021/010)

Khi hạch toán chi phí nhân công trực tiếp thi công công trình, kế toán sử dụng các chứng từ có nội dung cụ thể như sau:

Bảng chấm công: Do kế toán tại công trình được sự phân công của chủ trì lập theo số lượng công nhân thực tế tại công trình, tình hình biến động số lượng công nhân cũng như mức độ thường xuyên trong quá trình làm việc của các công nhân làm tại công trường.

Kế toán chi nhánh sử dụng bảng chấm công cho mọi công trình theo mẫu bảng chấm công số 01a – LĐTL của quyết định 15/2006/QĐ-BTC. Tuy nhiên tại các công trình, đối với công nhân trực tiếp sản xuất đều được chấm công theo lương thời gian. Kế toán công trình hàng ngày kiểm tra số lượng công nhân đi làm, đánh dấu vào bảng chấm công, cuối tháng tổng kết số công của mỗi công nhân và gửi bảng chấm công về cho kế toán tập hợp chi phí tại chi nhánh.

Bảng chấm công này là căn cứ để kế toán chi nhánh lên bảng thanh toán tiền lương, tính ra lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất tại từng công trình, làm căn cứ ghi nhận chi phí nhân công trực tiếp cho từng hợp đồng.

Sau khi được lấy làm căn cứ lên bảng thanh toán tiền lương, bảng chấm công sẽ được kế toán lưu cùng với bảng dự toán khối lượng nhân công và phiếu chi (nếu có), sau này làm căn cứ lập bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng khoản mục liên quan tới chi phí nhân công trực tiếp và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan.

Bảng thanh toán tiền lương: Được lập dựa trên số liệu của bảng chấm công mà chủ trì các công trình cung cấp. Cũng giống như bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương được lập mỗi tháng 1 lần và lập mỗi công trình 1 bảng. Kế toán tập hợp chi phí lập bảng thanh toán tiền lương theo mẫu chứng từ số 01b – LĐTL của quyết định 15/2006/QĐ-BTC đối với mọi công trình.

Trên thực tế, nội dung bảng thanh toán tiền lương của công nhân trực tiếp thi công tại các công trình tương đối đơn giản bởi vì như đã nói ở trên, chi nhánh thường thuê công nhân bên ngoài, ký hợp đồng lao động ngắn hạn do đặc thù ngành nên

không phải trích các khoản theo lương cho các đối tượng này, lương của họ lại là lương thời gian, chỉ cần căn cứ vào bảng chấm công, nhân đơn giá tiền lương theo thời gian đã được tính và thoả thuận trong hợp đồng với số ngày công, ta sẽ tính được số lương phải chi trả từng tháng cho các công nhân.

Quy trình như sau:

Khi nhận được bảng dự trù khối lượng nhân công do chủ trì chuyển cho, kế toán sẽ tiến hành tạm ứng lương cho chủ trì. Trước hết, kế toán định khoản vào phần mềm, nội dung:

Nợ TK 141 (chi tiết cho từng công trình): số tiền chi tạm ứng lương

Có TK 111: số tiền chi tạm ứng lương

Ngay khi bút toán này được cập nhật, phần mềm cho phép in ra một phiếu chi với nội dung tương ứng. Kế toán thanh toán kiểm tra phiếu chi, chuyển cho giám đốc chi nhánh và kế toán trưởng ký duyệt. Sau khi xem xét, ký duyệt, phiếu chi được chuyển lại cho kế toán ký, kế toán chuyển cho thủ quỹ, thủ quỹ kiểm tra, giao tiền và yêu cầu chủ trì các công trình ký nhận vào phiếu chi công nhận đã nhận tiền và nhận đủ. Như đã nói ở trên, Chi nhánh sẽ chỉ ứng trước cho chủ trì khoản tiền lương nhân công trực tiếp này.

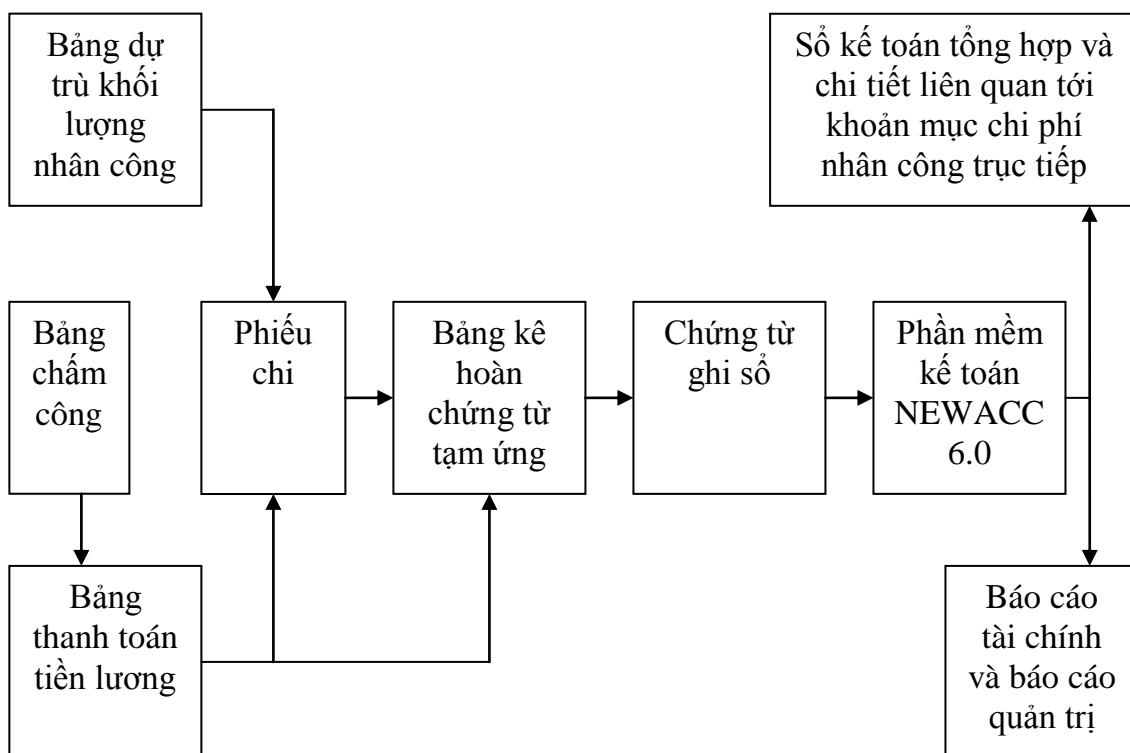
Chi nhánh thực hiện việc tạm ứng lương cho công nhân trước khi nghiệp vụ chi trả lương phát sinh. Do vậy, phiếu chi này được lưu làm căn cứ cho việc hạch toán nghiệp vụ chi tiền tạm ứng lương, sau này dùng làm căn cứ đối chiếu cho việc thanh toán lương theo bảng thanh toán lương.

Ngoài các chứng từ trên, cũng như các khoản mục chi phí khác, hai chứng từ tổng hợp được sử dụng là :

- Bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng
- Chứng từ ghi sổ

Quy trình hạch toán nhân công trực tiếp từ chứng từ vào các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết cũng như các báo cáo kế toán có liên quan trong kế toán tập hợp chi phí tại chi nhánh TDC2 như sau:

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán tại chi nhánh



Vào đầu tháng 1/2011, khi nhận được quyết định sẽ chủ trì công trình hợp đồng số: 021/010, ông Lê Hồng Hà cùng với phòng kỹ thuật, căn cứ khối lượng công việc của công trình, từng hạng mục công trình, lên bảng dự trừ khối lượng nhân công.

Kế toán thanh toán tạm ứng cho chủ trì căn cứ theo bảng dự trừ khối lượng nhân công. Tùy theo tình hình tài chính của chi nhánh và mức độ cần thiết của mỗi một công trình mà tiến hành tạm ứng, thường là tạm ứng nhiều lần theo tiến độ thi công và đặc điểm của các hạng mục đang tiến hành thi công.

Bảng số 2.7: Bảng dự trù khối lượng nhân công
BẢNG DỰ TRÙ KHỐI LƯỢNG NHÂN CÔNG
Hạng mục: Phần phá dỡ

Công trình: Trung tâm điều dưỡng thương binh Nho Quan

Hợp đồng 021/010 - Chủ trì: Lê Hồng Hà

TT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
1	Phá bỏ tường ngăn giữa các phòng	M2	450	7,501	2.784	9,397,252
2	Đào nền sân tạo mặt bằng trước khu vực công trình	M3	126	6,206	2.784	2,172,819
3	Đào đất mùn đổ trồng cây	M3	64.8	7,501	2.784	1,353,204

	CỘNG					37,545,125

CHỦ TRÌ

KỸ THUẬT

KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC CN

Vào thời điểm đầu các tháng tiếp theo, kế toán tại công trình sẽ gửi bảng chấm công của tháng trước về chi nhánh. Kế toán giá thành căn cứ vào bảng chấm công lập bảng thanh toán tiền lương, tính ra số tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất tại công trình và chuyển cho kế toán thanh toán tiến hành thanh toán bù trừ với chủ trì công trình căn cứ vào sổ tạm ứng trước đó. Sau đó bảng thanh toán lương này tiếp tục được gửi tới công trình để thanh toán số lương còn lại cho công nhân và công nhân ký nhận tiền vào bảng thanh toán lương này.

Bảng số 2.8: Bảng chấm công tháng 12

Đơn vị: CN CTCP PTKT Xây dựng

Bộ phận: Tổ đội thi công 1 HĐ 021/010

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 12/2012

S T T	Họ và tên	Cấp bậc lương / cấp bậc chức vụ	Ngày trong tháng						Quy ra công					Ký hiệu chấm công
			1	2	3	5	...	31	Số công hưởng lương sản phẩm	Số công hưởng lương thời gian	Số công ngừng việc, nghỉ việc hưởng 100% lương	Số công ngừng việc, nghỉ việc hưởng...% lương	Số công hưởng BHXH	
1	Trần Văn Chiến		X	X	X	O	...	X		28				X
2	Trần Gia Huy		X	O	X	X	..	X		28				X
3	Phạm Văn Hưng		X	X	X	X	...	X		28				X
													
	TỔNG									1,400				

Người chấm công

Phụ trách bộ phận

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người duyệt

Chú thích:

X: Ngày làm việc

O: Ngày nghỉ

Bảng số 2.9: Bảng thanh toán tiền lương tháng 12

Đơn vị: CN CTCPTKT Xây dựng

Bộ phận: Tổ đội thi công 1 HĐ 021/010

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 12/2012

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Họ và tên	Bậc lương	hệ số	Lương sản phẩm		Lương thời gian		Nghỉ việc, ngừng việc hưởng ...% lương		Phụ cấp thuộc quỹ lương	Phụ cấp khá c	tổng số	Tạ m ứng kỳ I	Các khoản phải khấu trừ vào lương				Kỳ II được lĩnh	
				Số SP	Số tiền n	Số công	Số tiền	Số côn g	Số tiền					BH XH	...	T.TN CN phải nộp	cộng	Số tiền	KN
1	Trần Văn Chiến					28	2,8						1,5					1,3	
2	Trần Gia Huy					28	2,8						1,5					1,3	
3	Phạm Văn Hưng					28	2,8						-					2,8	
																		
	TỔNG					1.400	140						80					60	

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.

Như đã đề cập ở trên, đối với bộ phận công nhân trực tiếp sản xuất, chi nhánh tiến hành thuê ngoài, ký những hợp đồng ngắn hạn nên không có các khoản trích theo lương. Chi phí nhân công trực tiếp chính là chi phí tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất tại công trình. Đối với mỗi công nhân, chi phí phải trả hàng tháng chính bằng số công trong tháng nhân với đơn giá tiền lương ngày.

Ví dụ: công nhân Trần Văn Chiến có số công trong tháng là 28 ngày công. Đơn giá tiền lương ngày tính được bằng 100.000 đồng.

Khi đó, tiền lương tháng của Trần Văn Chiến được tính như sau:

$$TL = 28 * 100.000 = 2.800.000(\text{đ})$$

Trước đó, công nhân này đã nhận được tạm ứng lương kỳ I là: 1.500.000đ

Vậy lương kỳ II được tính như sau: $2.800.000 - 1.500.000 = 1.300.000(\text{đ})$.

Em xin lấy ví dụ bảng kê chi phí số 97CP của chi nhánh TDC2 trong đó có bảng tổng hợp bảng chấm công cũng như bảng thanh toán tiền lương của tháng 12/2012.

Bảng số 2.10: Bảng kê hoàn chứng từ chi phí nhân công trực tiếp

BẢNG KÊ HOÀN CHỨNG TỪ TẠM ỨNG

Hợp đồng : 21/010

Số 97CP

Công trình: Trung Tâm Điều Dưỡng Thương Binh Nho Quan

Chi nhánh TDC 2

ĐVT: đồng

STT	Tên	ĐVT	SL	Số hóa đơn	Số tiền	Thuế VAT
1	Nhân công trực tiếp tháng 12 - tổ đội 1				140.000.000	
2	Nhân công trực tiếp tháng 12 - tổ đội 2				207.503.470	
	CP nhân công trực tiếp				347.503.470	

TỔNG SỐ VAT ĐƯỢC KHẤU TRỪ:

TỔNG CHI PHÍ:

347.503.470

CP THẦU PHỤ:

II – Chi phí nhân công trực tiếp:

347.503.470

GIÁM ĐỐC CN

KẾ TOÁN TT

CHỈ HUY TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP

Kế toán giá thành kiểm tra bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng và lập chứng từ ghi sổ số 97CP:

Bảng 2.11: Chứng từ ghi sổ nhân công trực tiếp

**CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG
CN C.TY CPPTKT XÂY DỰNG**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ
Ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Số 97 CP

DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
	NỢ	CÓ	
Ô.Hà HCT HĐ 021/010 Nhà điều dưỡng Nho Quan	3341	111	147.503.470
	3341	141	200.000.000
	622	3341	347.503.470

Người vào sổ

PT Kế toán

Người lập

Kế toán thanh toán cập nhật số liệu vào phần mềm, chi phí nhân công trực tiếp hạch toán trên tài khoản 622 tự động chuyển vào sổ cái tài khoản 622 và Sổ chi tiết TK 622 – chi phí nhân công trực tiếp của hợp đồng 021/010.

Bảng số 2.12: Sổ chi tiết tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

CT CPPTKT XÂY DỰNG – TDC2

TÀI KHOẢN 622 – CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Từ ngày : 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số CT	Ngày CT	Nội dung	Phát sinh trong kỳ	
			Số tiền nợ	Số tiền có
97CP	31/12/12	HĐ 021/0110 – Nhà điều	347.503.470	347.503.470
		Dưỡng Nho Quan		
		CP nhân công trực tiếp	347.503.470	
		Ô.Hà HCT HĐ 021/010-Nho	347.503.470	
		Quan Ninh Bình		
1732	31/12/12	Kết chuyển chi phí		347.503.470

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Bảng số 2.13: Sổ NKC

CN C.TY CPPTKT XD – TDC2

NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày: 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số CT	Ngày CT	Nội dung	Tài khoản	Số tiền nợ	Số tiền có
97CP	31/12/2012	Ô.Hà HCT HĐ021/010			
		Chi phí NC TT	622	347.503.470	
		Phải trả nhân viên	3341		347.503.470
		Phải trả nhân viên	3341	347.503.470	
		Tạm ứng	141		200.000.000
		Tiền mặt	111		147.503.470

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Bảng số 2.14: Sổ cái tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

CN C.TY CPPTKT XD – TDC2

TÀI KHOẢN 622

Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

STT	Tên đối tượng	Đư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Đư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	HĐ 011/09- Tòa nhà IDC Bình Dương			288.000.000	288.000.000		
.....						
4	HĐ 021/010- Nhà điều dưỡng Nho Quan			347.503.470	347.503.470		
.....						
	Tổng cộng			15.016.422.470	15.016.422.470		

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Chú thích: Trên sổ cái của các tài khoản chỉ thể hiện số tổng chi phí và không thể hiện từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

2.2.3. Kế toán chi phí máy thi công

2.2.3.1. Phương thức tổ chức đội máy thi công

Công ty có đội máy thi công và khi các công trình xây dựng sử dụng đến máy thi công này thì mọi chi phí phát sinh liên quan sẽ được tập hợp vào tài khoản 623 – chi phí sử dụng máy thi công và Công ty không hạch toán riêng cho đội máy thi công mà tùy từng công trình cần đến đội máy thi công với khối lượng và thời gian thi công theo nhu cầu thì phải chi trả các khoản liên quan và hạch toán những chi phí đó vào khoản mục chi phí máy thi công.

Công ty có số lượng máy thi công tương đối lớn, cũng tổ chức thành đội máy thi công theo khả năng chuyên trách, phục vụ cho các công trình của Công ty. Tuy nhiên, do các công trình xây lắp đa dạng nên bản thân Công ty nói chung và chi nhánh nói riêng vẫn tiến hành thuê ngoài trong trường hợp khả năng của đội máy thi công không đáp ứng được yêu cầu của công trình.

Mặt khác, do Chi nhánh TDC2 cũng như các chi nhánh khác trong Công ty thực hiện thi công tất cả các công trình theo hình thức thi công hỗn hợp nên toàn bộ chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công trong trường hợp chi phát sinh liên quan trực tiếp đến từng công trình riêng rẽ được tập hợp vào tài khoản 623 – chi phí sử dụng máy thi công, theo dõi chi tiết cho từng công trình, hợp đồng.

Nếu phát sinh trong trường hợp máy thi công đang ở tại đội máy thi công, không phục vụ cho việc thi công tại công trình nào thì sẽ được tập hợp vào TK 642 – chi phí quản lý của Công ty.

2.2.3.2. Chứng từ hạch toán

Khi các công trình sử dụng đội máy thi công của Công ty tùy theo tình hình cụ thể mà phát sinh các chi phí là khác nhau.

Trường hợp 1: Nếu công trình sử dụng máy thi công cùng với công nhân lái máy thi công của đội máy của chính Công ty thì liên quan tới bản thân máy thi công có thể có các chi phí nhiên liệu (xăng, dầu), chi phí bảo dưỡng, bảo trì, chi phí sửa chữa hoặc chi phí phụ tùng thay thế,... Khi đó, chứng từ sử dụng là:

- Hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ
- Phiếu chi (trong trường hợp thanh toán cho nhà cung cấp bằng tiền mặt)
- Ủy nhiệm chi, lệnh chi (trong trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng).

Trường hợp 2: Nếu công trình phải thuê ngoài máy thi công thì chi nhánh sẽ tiến hành ký hợp đồng thuê máy thi công, chi phí sử dụng máy thi công lúc này có hình

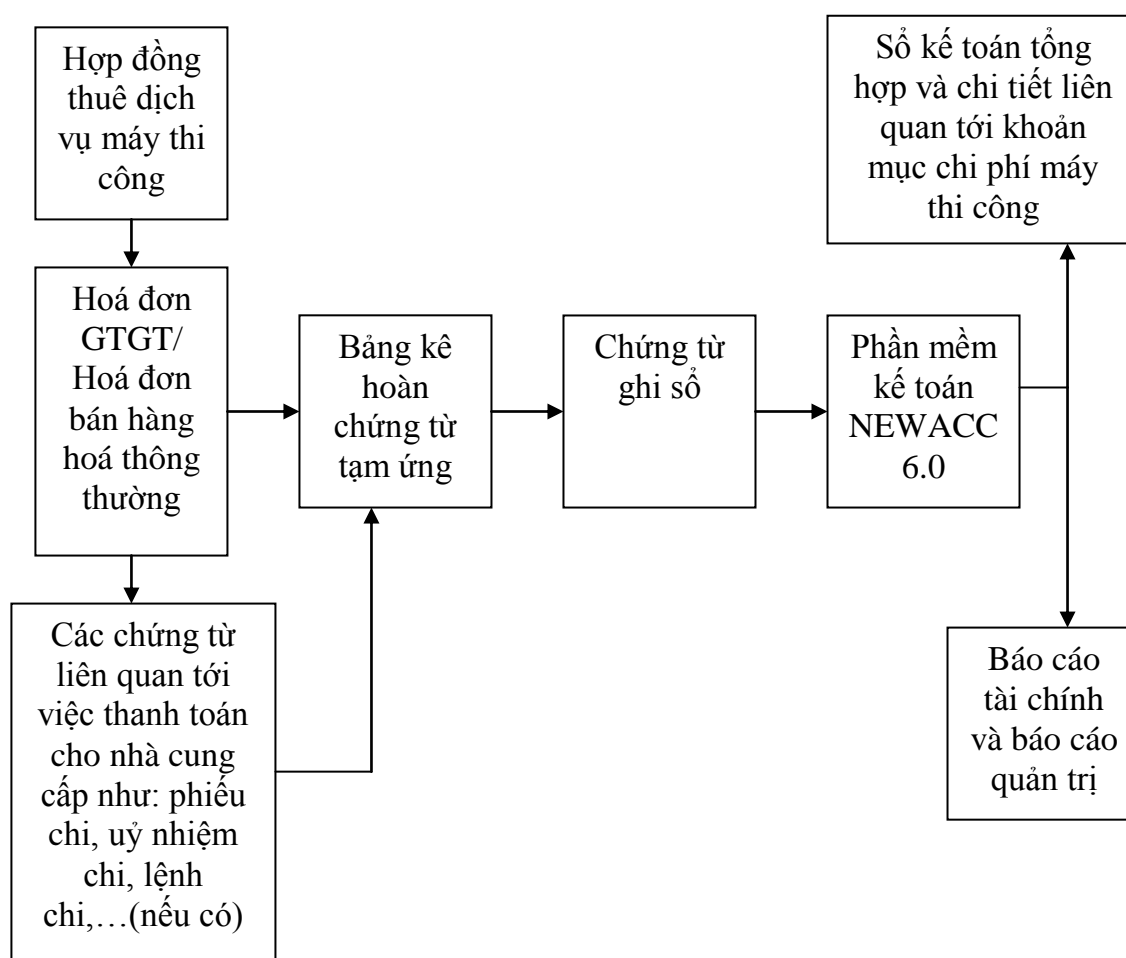
thức như là chi phí thuê phụ, việc hạch toán dựa trên số tiền chi nhánh phải trả cho nhà cung cấp dịch vụ cho thuê máy theo hợp đồng thuê đã ký. Khi đó, chứng từ sử dụng là:

- Hợp đồng thuê dịch vụ máy thi công
- Hoá đơn mua dịch vụ
- Phiếu chi (trong trường hợp thanh toán cho nhà cung cấp bằng tiền mặt)
- Ủy nhiệm chi (trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng)

2.2.3.3. Trình tự hạch toán

Quy trình hạch toán diễn ra như sau

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán



Hợp đồng 021/010 có chi phí sử dụng máy thi công tương đối nhỏ, chỉ phát sinh vào tháng 12/2012 được chủ trì hoàn chứng từ vào thời điểm cuối tháng, kế toán tập hợp chi phí vào bảng kê hoàn chứng từ số 88CP 31/12/2012:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho người mua Mẫu 01GTKT3/001

Ngày 05 tháng 12 năm 2012 Ký hiệu: HL/11P

Số: 0000021

Đơn vị bán hàng: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ VÀ THƯƠNG MẠI
HOÀNG LONG

Địa chỉ: Phố Bái – thị trấn Nho Quan – tỉnh Ninh Bình

Số tài khoản: 3305201001480 – Tại ngân hàng NN&PTNT – chi nhánh Nho Quan

ĐT: 0303.867501 – 0915.178856

MST: 2700532765

Họ tên người mua hàng: Lê Hồng Hà

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Địa chỉ: 243A – La Thành – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 04.3.766.4652 – 3.834.7590 Số tài khoản: 431101001030

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0100106200

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Thuê máy cắt	Ca	1.200	65.000	78.000.000
02	Thuê máy hàn	Ca	180	120.000	21.600.000
03	Thuê máy mài	Ca	50	55.000	2.750.000
04	Trần nhà	M2	185	180.000	33.300.000

Cộng tiền hàng: 135.650.000

Thuế suất thuế GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: 13.565.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 149.215.000

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu hai trăm mười lăm ngàn đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bảng số 2.15: Bảng kê hoàn chứng từ CP máy thi công

BẢNG KÊ HOÀN CHỨNG TỪ TẠM ỨNG

Hợp đồng : 21/010

Số 88CP

Công trình: Trung Tâm Điều Dưỡng Thương Binh Nho Quan

Chi nhánh TDC 2

ĐVT: đồng

STT	Tên	ĐVT	SL	Số hóa đơn	Số tiền	Thuế VAT
1	Thuê máy			0000021	135.650.000	13.565.000
	DNTN cơ khí và TM Hoàng Long				135.650.000	13.565.000

TỔNG SỐ VAT ĐƯỢC KHẤU TRỪ:

13.565.000

TỔNG CHI PHÍ:

135.650.000

CP THẦU PHỤ:

III – Chi phí sử dụng máy thi công:

135.650.000

GIÁM ĐỐC CN

KẾ TOÁN TT

CHỈ HUY TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP

Bảng số 2.16: Chứng từ ghi sổ chi phí máy thi công

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CN C.TY CPPTKT XÂY DỰNG

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 88CP

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
	NỢ	CÓ	
DNTN cơ khí và TM Hoàng Long HĐ 021/010 Nhà điều dưỡng Nho Quan	33631	33131	13.565.000
	623	3311	135.650.000

Người vào sổ

PT Kế toán

Người lập

Kế toán thanh toán cập nhật số liệu vào phần mềm, chi phí nhân công trực tiếp hạch toán trên tài khoản 623 tự động chuyển vào sổ cái tài khoản 623 và Sổ chi tiết TK 623 – chi phí sử dụng máy thi công của hợp đồng 021/010:

Bảng 2.17: Tài khoản chi tiết 623 _ Chi phí máy thi công

CT CPPTKT XÂY DỰNG – TDC2

TÀI KHOẢN 623 – CHI PHÍ MÁY THI CÔNG

Từ ngày : 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số CT	Ngày CT	Nội dung	Phát sinh trong kỳ	
			Số tiền nợ	Số tiền có
88CP	31/12/12	HĐ 021/0110 – Nhà điều	135.650.000	135.650.000
		Dưỡng Nho Quan		
		CP máy thi công	135.650.000	
1733	31/12/12	DNTN cơ khí và TM	135.650.000	
		Hoàng Long		
		Kết chuyển chi phí		135.650.000

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Bảng số 2.18: Sổ NKC

CN C.TY CPPTKT XD – TDC2

NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày: 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số CT	Ngày CT	Nội dung	Tài khoản	Số tiền nợ	Số tiền có
88CP	31/12/2012	Ô.Hà HCT HD021/010			
		Chi phí máy thi công	623	135.650.000	
		Phải trả người bán	3311		135.650.000
		Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	33631	13.565.000	
		Thuế VAT phải trả các công trình	33131		13.565.000

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Bảng 2.19: Sổ tổng hợp tài khoản 623 – Chi phí máy thi công

CN C.TY CPPTKT XD – TDC2

TÀI KHOẢN 623

Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

STT	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	HĐ 011/09- Tòa nhà IDC Bình Dương			15.613.418	15.613.418		
.....						
4	HĐ 021/010- Nhà điều dưỡng Nho Quan			135.650.000	135.650.000		
.....						
	Tổng cộng			1.031.619.862	1.031.619.862		

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Chú thích: Trên sổ cái của các tài khoản chỉ thể hiện số tổng chi phí và không thể hiện từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

2.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

2.2.4.1. Đặc điểm chi phí sản xuất chung

Khác với các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác, sản phẩm của ngành xây lắp là đơn nhất, sản xuất riêng lẻ. Tại các doanh nghiệp xây lắp không có khái niệm nhà máy hay phân xưởng, các công trình thi công nằm ở các địa điểm rất xa nhau và xa trụ sở của doanh nghiệp, như công trình hợp đồng 021/010 chúng ta lấy làm ví dụ ở đây là công trình nằm ở tỉnh Ninh Bình trong khi trụ sở chính của chi nhánh lại ở Hà Nội. Các công trình khác thì thuộc các tỉnh thành khác nhau trên cả nước. Chính vì đặc thù như thế mà ở các doanh nghiệp xây lắp nói chung và tại chi nhánh TDC2 nói riêng, thường không có loại chi phí phát sinh chung cho nhiều sản phẩm.

2.2.4.2. Chứng từ hạch toán

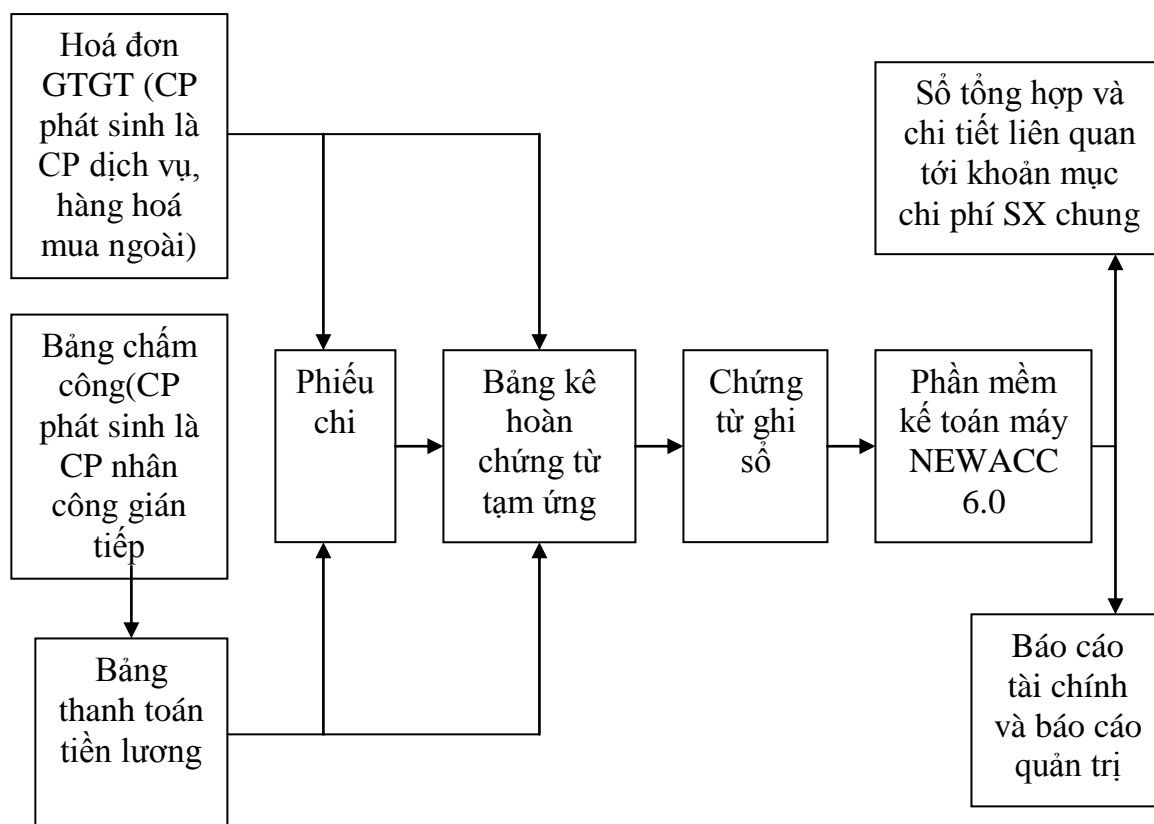
Chi phí sản xuất chung bao gồm những chi phí mua hàng hoá, dịch vụ phục vụ quá trình thi công công trình như: tiền thí nghiệm vật liệu, tiền vé máy bay cho ban giám đốc, ban chỉ huy công trình đi lại từ trụ sở Công ty đến công trường, các khoản điện, nước phục vụ cho việc thi công tại công trường, các khoản tiếp khách bao gồm tiền ăn và tiền phòng ở,... thì chứng từ được sử dụng chính là:

- Hoá đơn GTGT mua hàng hoá, dịch vụ
- Phiếu thu tiền cước vận chuyển (đối với vé máy bay kèm theo vé)
- Phiếu chi (trong trường hợp chi nhánh trực tiếp chi trả),....
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu chi
- Bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng
- Chứng từ ghi sổ

2.2.4.3. Trình tự hạch toán

Trong suốt quá trình thi công, từ 01/2011 đến tháng 12/2012, chi phí sản xuất chung phát sinh tương đối đều đặn qua các tháng. Quy trình hạch toán số liệu được tiến hành theo sơ đồ:

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán tại chi nhánh



Để đảm bảo tính xác thực và khách quan, em xin lấy số liệu phát sinh trong tháng 12/2012 của các bảng kê 72CP làm ví dụ minh họa cho quá trình tập hợp và hạch toán chi phí sản xuất chung của kế toán chi nhánh. Cuối tháng 12/2012 chủ trì công trình ông Lê Hồng Hà gửi các chứng từ phát sinh có liên quan tới công trình trong tháng 12 về cho kế toán tập hợp chi phí tại chi nhánh. Trên cơ sở các chứng từ có liên quan tới chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng, kế toán lập phần liên quan tới chi phí sản xuất chung như sau:

CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**HÓA ĐƠN BÁN HÀNG**

Liên 2: Giao cho người mua

Mẫu 02GTTT3/001

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Ký hiệu: 01AL/12P

Số: 0094461

Đơn vị bán hàng: Mai Anh Quán

Mã số thuế: 0102606483

Địa chỉ: Nhà D7, KĐT Nghĩa Đô – D.Vọng – CG – HN

ĐT:

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Lê Hồng Hà

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Mã số thuế: 0100106200

Địa chỉ: 243A La Thành – Đống Đa – Hà Nội

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Tiếp khách ăn uống				1.312.000

Tổng tiền bán hàng hóa, dịch vụ:

1.312.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm mười hai ngàn đồng chẵn.

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Bảng 2.20: Bảng kê hoàn chứng từ chi phí sản xuất chung

BẢNG KÊ HOÀN CHỨNG TỪ TẠM ỨNG

Hợp đồng : 21/010

Số 72CP

Công trình: Trung Tâm Điều Dưỡng Thương Binh Nho Quan

Chi nhánh TDC 2

ĐVT: đồng

STT	Tên	ĐVT	SL	Số hóa đơn	Số tiền	Thuế VAT
1	Tiếp khách			0094461	1.312.000	
2	Tiếp khách			0001436	13.049.000	1.304.900
	CP chung khác				14.361.000	1.304.900
3	Dầu, hộp mực			0006382	1.000.000	
4	Photo tài liệu			0047704	1.399.600	
5 (*)	Photo tài liệu			0062804	15.680.000	
6	Photo tài liệu			0054204	6.068.000	
7	Cước vận chuyển			0000517	11.200.000	1.120.000
	CP Chung Dv mua ngoài				35.347.600	1.120.000
	CỘNG				49.708.600	2.424.900

TỔNG SỐ VAT ĐƯỢC KHẤU TRỪ:

2.424.900

TỔNG CHI PHÍ:

49.708.600

CP THẦU PHỤ:

V – Chi phí sản xuất chung

49.708.600

DV mua ngoài

35.347.600

Chi khác

14.361.000

GIÁM ĐỐC CN

KẾ TOÁN TT

CHỈ HUY TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP

Chú thích:

(*) Hóa đơn được đính kèm trong phần phụ lục.

Bảng 2.21: Chứng từ ghi sổ chi phí sản xuất chung

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG
CN C.TY CPPTKT XÂY DỰNG

CHỨNG TỪ GHI SỔ
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 72 CP

DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
	NỢ	CÓ	
Ô. Hà HCT HĐ 021/010 Nhà điều dưỡng thương binh Nho Quan	33631	111	2.424.900
	6278	111	14.361.000
	6277	111	35.347.600

Người vào sổ

PT Kế toán

Người lập

Bảng 2.22: Sổ chi tiết tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung

CT CPPTKT XÂY DỰNG – TDC2

TÀI KHOẢN 627 – CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Từ ngày : 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số CT	Ngày CT	Nội dung	Phát sinh trong kỳ	
			Số tiền nợ	Số tiền có
		HĐ 021/010 – Nhà điều	173.317.123	173.317.123
		Dưỡng Nho Quan		
		CP sản xuất chung	49.708.600	
72CP	31/12/12	Ô. Hà HCT HĐ 021/010	14.361.000	
72CP	31/12/12	Ô. Hà HCT HĐ 021/010	35.347.600	
1734	31/12/12	Kết chuyển chi phí		49.708.600
		Nghĩa vụ phải nộp công ty	123.608.523	123.608.523
1735	31/12/12	Kết chuyển chi phí		123.608.523
30DT	31/12/12	Sở LD TB XH Ninh Bình xnhận klg ttoán HĐ21/010 – Nho Quan	123.608.523	

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Bảng số 2.23: Sổ NKC

CN C.TY CPPTKT XD – TDC2

NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày: 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số CT	Ngày CT	Nội dung	Tài khoản	Số tiền nợ	Số tiền có
72CP	31/12/2012	Ô.Hà HCT HD021/010			
		CP chung khác	6278	14.361.000	
		CP Chung Dv mua ngoài	6277	35.347.600	
		Tiền mặt	111		49.708.600
		Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	33631	2.424.900	
		Tiền mặt	111		2.424.900
30DT	31/12/2012	Nghĩa vụ phải nộp công ty			
		Chi phí SX chung	62731	123.608.523	
		Phải trả nội bộ	33631		123.608.523

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

“Nghĩa vụ phải nộp công ty” là khoản mà chi nhánh phải nộp cho công ty khi chi nhánh thực hiện các công trình của công ty giao khoán. Đây là khoản được ghi trong hợp đồng giao khoán và sẽ thay đổi theo từng công trình cụ thể.

Chi nhánh ghi nhận đây là một khoản chi phí phải trả nội bộ được ghi nhận vào tài khoản 627 – chi phí sản xuất chung nhưng được tách riêng vào tài khoản 62731 để theo dõi và phân biệt riêng với các chi nhánh khác của công ty.

Đối với những chi phí sản xuất chung có giá trị lớn, chi nhánh sẽ thanh toán cho nhà cung cấp thông qua chủ trì vào cuối mỗi tháng. Đối với những chi phí sản xuất chung có giá trị nhỏ như photo, mua đồ dùng văn phòng v.v... các chủ trì sẽ ứng tiền khi đi mua sau đó chi nhánh sẽ viết phiếu chi hoàn lại tiền cho chủ trì.

Bảng 2.24: Sổ tổng hợp tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung

CN C.TY CPPTKT XD – TDC2

TÀI KHOẢN 627

Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

STT	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	HĐ 011/09- Tòa nhà IDC Bình Dương Nghĩa vụ P.nộp C.ty CP sx chung			628.844.424	628.844.424		
				478.162.860	478.162.860		
				150.681.564	150.681.564		
.....						
9	HĐ 021/010- Nhà điều dưỡng Nho Quan Nghĩa vụ P.nộp C.ty CP sx chung			173.317.123	173.317.123		
				123.608.523	123.608.523		
				49.708.600	49.708.600		
.....						
	Tổng cộng			8.438.819.879	8.438.819.879		

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Chú thích: Trên sổ cái của các tài khoản chỉ thể hiện số tổng chi phí và không thể hiện từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.3. Kế toán tổng hợp chi phí

2.3.1. Tài khoản sử dụng

Khi công trình hoàn thành, kế toán tổng hợp tập hợp chi phí phát sinh của công trình đó kể từ thời điểm khởi công đến khi hoàn thành để tính giá thành cho công trình. Chi phí xây lắp mỗi công trình được tập hợp vào tài khoản 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi tiết 1541 – xây lắp.

Cuối kỳ, công trình nào chưa hoàn thành thì chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được phản ánh trên số dư nợ tài khoản 154, chi tiết 1541.

Nếu công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư chấp nhận thanh toán thì kế toán kết chuyển chi phí sản xuất hay còn gọi là giá thành thực tế vào tài khoản 632 – giá vốn hàng bán.

2.3.2. Trình tự hạch toán

Vào thời điểm công trình hoàn thành, chủ đầu tư chấp nhận thanh toán, kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất để tính giá thành cho sản phẩm vào tài khoản chi tiết 1541 – xây lắp, theo dõi cho từng công trình. Tài khoản này, trước đó, định kỳ cuối quý, kế toán đã tiến hành kết chuyển các chi phí có liên quan và tập hợp trực tiếp chi phí thầu phụ. Trên phần mềm, kế toán tiến hành hạch toán các bút toán kết chuyển chi phí sau:

Nợ TK 1541: chi phí sản xuất kinh doanh được tập hợp

Có TK 621: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kết chuyển

Có TK 622: chi phí nhân công trực tiếp kết chuyển

Có TK 627: chi phí sản xuất chung kết chuyển.

Có TK 623: chi phí máy thi công kết chuyển

Có TK 62731: nghĩa vụ phải nộp công ty kết chuyển

Trên sổ chi tiết tài khoản 1541 – xây lắp của công trình 21/010 chi phí được tập hợp có dạng:

Bảng số 2.25: Sổ NKC

CN C.TY CPPTKT XD – TDC2

NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày: 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số CT	Ngày CT	Nội dung	Tài khoản	Số tiền nợ	Số tiền có
1731	31/12/2012	Kết chuyển CP HĐ 021/010			
		Xây lắp	1541	659.230.000	
		Chi phí NVL TT	621		659.230.000
1732	31/12/2012	Kết chuyển CP HĐ 021/010			
		Xây lắp	1541	347.503.470	
		Chi phí NC TT	622		347.503.470
1733	31/12/2012	Kết chuyển CP HĐ 021/010			
		Xây lắp	1541	135.650.000	
		Chi phí máy thi công	623		135.650.000
1734	31/12/2012	Kết chuyển CP HĐ 021/010			
		Xây lắp	1541	49.708.600	
		Chi phí SX chung	627		49.708.600
1735	31/12/2012	Kết chuyển CP HĐ 021/010			
		Xây lắp	1541	123.608.523	
		Chi phí SX chung	627		123.608.523

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Toàn bộ chi phí đã được tập hợp trên tài khoản 1541 – xây lắp qua các phiếu kế toán để tiến hành tính giá thành cho từng công trình.

2.4. Tính giá thành sản phẩm

2.4.1. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình do chi nhánh chịu trách nhiệm thi công đã được tập hợp chi phí trong phần hành kế toán tập hợp chi phí.

2.4.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

Khối lượng dở dang là những công việc đã thi công, đã có những hao phí về vật liệu, chi phí nhân công,... nhưng chưa hoàn thành hết giai đoạn quy ước hoặc đã hoàn thành xong nhưng chưa được nghiệm thu, nên chưa được bàn giao cho bên giao thầu. Mặt khác, các công trình mà Công ty nhận thầu xây dựng đều có thời gian thi công tương đối dài nên việc tính giá thành thường chỉ được thực hiện khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành và nghiệm thu bàn giao.

Tùy thuộc vào phương thức giao thầu giữa 2 bên và phương thức thanh toán mà kế toán có thể áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang công trình xây lắp như sau:

Đối với những công trình, hạng mục công trình được quy định thanh toán một lần sau khi hoàn thành toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là tổng chi phí phát sinh từ lúc khởi công thi công công trình cho đến cuối kỳ hạch toán.

Đối với những công trình, hạng mục công trình được quy định thanh toán theo giai đoạn quy ước thì chi phí sản xuất dở dang là các giai đoạn chưa hoàn thành và được đánh giá theo chi phí thực tế phát sinh trên cơ sở giá thành dự toán và mức độ hoàn thành của công trình.

Đối với công trình 021/010 đã hoàn thành nên không có dở dang cuối kỳ.

2.4.3. Tính giá thành sản phẩm xây lắp tại chi nhánh

2.4.3.1. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Công ty áp dụng công thức tính giá thành sản phẩm xây lắp theo phương pháp trực tiếp (đơn giản)

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá} & & \text{CPSX} & & & & \\ \text{thành sản} & = & \text{dở} & + & \text{CPSX} & - & \text{CPSX dở} \\ \text{phẩm} & & \text{dang} & & \text{phát sinh} & & \text{dang cuối} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

2.4.3.2. Tính giá thành sản phẩm xây lắp

Khác với lĩnh vực sản xuất, thành phẩm của lĩnh vực xây dựng cơ bản là những công trình hay hạng mục công trình đã kết thúc toàn bộ công việc xây dựng theo quy định, theo thiết kế có quyết toán được duyệt và hoàn thành các thủ tục bàn giao. Một sản phẩm hoàn thành và được bàn giao thường phải mất nhiều thời gian. Vì vậy, kỳ tính giá thành của Công ty được xác định sau một giai đoạn công việc hoàn thành theo giai đoạn quy ước, kế toán sẽ tạm tính giá thành cho công trình đó. Khối lượng thi

công xong là những khối lượng công việc đã kết thúc việc thi công đến một giai đoạn nhất định, được quy định khi ký kết hợp đồng giữa bên giao thầu và bên nhận thầu. Riêng với những công trình có thời gian thi công ngắn thì kỳ tính giá thành là khi công trình hoàn thành bàn giao.

Khi công trình hoàn thành được quyết toán bàn giao cho bên giao thầu, tổng giá trị công trình xây lắp hoàn thành bàn giao được kết chuyển sang tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán.

Bảng 2.26 : Sổ chi tiết tài khoản 154 – Xây lắp tháng 12/2012

CT CPPTKT XÂY DỰNG – TDC2

TÀI KHOẢN 154 – XÂY LẮP

Từ ngày : 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số CT	Ngày CT	Nội dung	Phát sinh trong kỳ	
			Số tiền nợ	Số tiền có
		HD 021/0110 – Nhà điều	1.315.700.193	1.315.700.193
		Dưỡng Nho Quan		
1731	31/12/12	CP Nguyên vật liệu trực tiếp	659.230.000	
1732	31/12/12	CP Nhân công trực tiếp	347.503.470	
1733	31/12/12	CP Máy thi công	135.650.000	
1734	31/12/12	CP Sản xuất chung	49.708.600	
1735	31/12/12	Nghĩa vụ phải nộp công ty	123.608.523	
1736	31/12/12	Kết chuyển chi phí		1.315.700.193

Lập biểu ngày tháng năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Bảng 2.27 : Bảng tính giá thành HĐ 21/010

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH
Công trình: Nhà điều dưỡng thương binh Nho Quan
Tháng 12 năm 2012

Khoản mục chi phí	CPSX DD đầu kỳ	CPSX phát sinh trong kỳ	CPSX DD cuối kỳ	Giá thành sản phẩm
CP NVL TT	4.720.955.377	659.230.000	0	5.380.185.377
CP NC TT	829.148.000	347.503.470	0	1.176.643.470
CP Máy thi công	61.643.301	135.650.000	0	197.293.301
CP SX chung	1.101.369.859	49.708.600	0	1.151.078.459
Hoạt động tài chính	23.460.600	0	0	23.460.600
Nghĩa vụ phải nộp công ty	247.043.515	123.608.523	0	370.652.038
Tổng cộng	6.983.620.652	1.315.700.593	0	8.299.313.245

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CHI NHÁNH TDC2

1. Nhận xét về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại chi nhánh:

Ngành xây dựng cơ bản là một bộ phận quan trọng chủ chốt trong nền kinh tế. Do đó Nhà Nước cần quản lý chặt chẽ quá trình hoạt động của các doanh nghiệp xây lắp. Việc quản lý chi phí xây lắp trong các công ty xây dựng vẫn còn đang gặp khó khăn vướng mắc nên hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành phải tuân theo những nguyên tắc nhất định

Qua thời gian thực tập, được tiếp cận với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty nói chung và Chi nhánh TDC - 2 nói riêng. Trên cơ sở so sánh giữa lý thuyết và thực tế tại đơn vị, em xin đưa ra một số nhận xét sau:

1.1. Những mặt đạt được:

Công ty đã xây dựng được hệ thống kế toán thống nhất áp dụng cho toàn công ty. Chính sự thống nhất đồng bộ này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát quá trình hạch toán kế toán tại Công ty và tại chi nhánh.

Tổ chức bộ máy kế toán Chi nhánh: theo hình thức tập trung phù hợp với đặc điểm, điều kiện của chi nhánh và đảm bảo được sự tập trung thống nhất, kịp thời.

Hiện nay, chi nhánh đã ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác kế toán của mình và sử dụng phần mềm kế toán trong công tác quản lý số liệu. Công ty đã đưa vào sử dụng mạng LAN (nội bộ) trong toàn công ty, kết nối các phòng ban chức năng với nhau, giúp cho kế toán nắm bắt thông tin cần xử lý một cách kịp thời và ở chi nhánh cũng vậy. Trình độ nhân viên kế toán tương đối đồng đều, hầu hết đã tốt nghiệp đại học và có kinh nghiệm trong công tác, vận dụng chế độ kế toán linh hoạt, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần trách nhiệm cao. Công việc hạch toán có nền nếp, ổn định giúp cho việc hạch toán được dễ dàng và thuận lợi hơn.

Chi nhánh sử dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp NEWACC 6.0, với hệ thống sổ sách theo hình thức kế toán nhật ký chung. Phần mềm kế toán doanh nghiệp NEWACC được đánh giá là một trong những phần mềm kế toán có “tính kế toán” nhất hiện nay. New Accounting Program Version 6.0 (NEWACC 6.0) được xây dựng theo phương châm:

Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành trong công tác kế toán.

Mềm dẻo, dễ thích nghi với những thay đổi của chế độ trong công tác kế toán.

Nhằm đáp ứng tối đa những nhu cầu quản lý thực sự của người làm công tác kế toán

Để sử dụng ở các nhu cầu quản lý khác nhau tại đơn vị.

Chính những phương châm này là lý do phần mềm kế toán NEWACC 6.0 được lựa chọn sử dụng trong toàn công ty cũng như trong chi nhánh TDC 2. Phần mềm cho phép kế toán cập nhật số liệu tại mọi phần hành kế toán liên quan tới các nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà ở đây chủ yếu là các phần hành liên quan tới tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp (do chi nhánh hạch toán phụ thuộc đối với công ty), vào các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết, lên các báo cáo tài chính và in các chứng từ, sổ sách theo yêu cầu quản lý.

Về hệ thống sổ sách: Áp dụng hình thức kế toán máy dựa trên hệ thống sổ sách của hình thức nhật ký chung là tương đối đầy đủ và đảm bảo cho công tác quản lý.

Tổ chức chứng từ: Chi nhánh TDC - 2 áp dụng hệ thống chứng từ theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 20/03/2006 của bộ tài chính và các văn bản hướng dẫn việc lập và sử dụng chứng từ. Do vậy, hệ thống chứng từ của Công ty được vận dụng một cách hợp lý, hợp pháp và đảm bảo chứng từ là căn cứ pháp luật để ghi sổ.

Tổ chức hệ thống tài khoản: Chi nhánh sử dụng hệ thống tài khoản theo quyết định 15/2006/QĐ - BTC áp dụng để hạch toán tương đối đầy đủ theo mô hình quản lý của mình. Hệ thống tài khoản được vận dụng linh hoạt và đơn giản để phù hợp với những nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của Chi nhánh

Về báo cáo tài chính: Chi nhánh thực hiện báo cáo tài chính và in báo cáo tài chính theo quy định dù là một đơn vị hạch toán phụ thuộc. Ngoài ra, chi nhánh còn lập báo cáo nội bộ như báo cáo quỹ tiền mặt, báo cáo công nợ khách hàng, báo cáo xuất - nhập - tồn, báo cáo tình hình tạm ứng... tương đối đầy đủ, chính xác

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhìn chung đã đi vào nề nếp, kế toán chi nhánh đã hạch toán chi phí sản xuất cho từng công trình tương đối đơn giản, đầy đủ, rõ ràng, có căn cứ khoa học phù hợp với điều kiện sản xuất phục vụ tốt công tác chỉ đạo sản xuất và quản lý tính giá thành. Cụ thể:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Chi phí nguyên vật liệu ở đơn vị về cơ bản đã theo dõi được vật tư từ khi mua về cho đến khi sử dụng vào công trình tránh được hao phí, mất mát hay ứ đọng vốn. Chi nhánh đã căn cứ vào dự toán để mua vật tư và giao quyền quản lý vật tư có xác định rõ mục đích sử dụng cho kỹ thuật phụ trách công trình nên nhìn chung bảo đảm chi phí vật liệu không biến động. Chi nhánh có mức thưởng cho các kỹ thuật và tổ đội sản xuất để khuyến khích họ sử dụng chi phí vật tư một cách hợp lý nhằm giảm giá thành công trình mà chất lượng công trình vẫn được đảm bảo.

Việc cung cấp vật tư cho các công trình do Chi nhánh trực tiếp cung ứng, sẽ có điều kiện lập kế hoạch mua vật tư và xây dựng các mối quan hệ ổn định với các nhà cung cấp từ đó chi nhánh tiết kiệm được chi phí bảo quản vật tư giảm tình trạng vật tư tồn kho mà tiến độ thi công vẫn đảm bảo.

Chi phí nhân công trực tiếp: Cách khoán khối lượng công việc tới từng tổ sản xuất thông qua “Hợp đồng giao khoán” và kết hợp thưởng phạt rõ ràng tùy vào tiến độ công việc đảm bảo gắn chặt chi phí cho nhân công bỏ ra với khối lượng xây lắp sẽ thu lại và đảm bảo tiến độ công trình. Điều này có ý nghĩa rất lớn đối với công ty xây lắp nói chung vì phạm vi hoạt động rộng, phân tán, chủ yếu diễn ra ngoài trời nên việc kiểm tra, giám sát lao động để trả lương theo hình thức thời gian là phức tạp và không đạt hiệu quả.

1.2. Những mặt tồn tại:

Tổ chức bộ máy kế toán: khối lượng công việc của chi nhánh tương đối lớn mà phòng kế toán chỉ có 4 người nên các kế toán viên phải làm kiêm nhiệm nhiều việc nên công việc đôi lúc chậm hơn quy định của lãnh đạo đã đề ra.

Bên cạnh đó, mặc dù hiện nay chi nhánh đã ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác kế toán của mình và sử dụng phần mềm kế toán trong công tác quản lý số liệu. Tuy nhiên việc làm này đạt hiệu quả chưa tối đa trong toàn bộ hệ thống kế toán của chi nhánh, thông tin dữ liệu chưa được xử lý theo một trình tự nối tiếp, liên tục trên hệ thống máy tính mà còn có những công đoạn phải xử lý thủ công.

Tổ chức sổ sách: Chi nhánh còn thiếu một số sổ quan trọng trong khâu bán hàng, tập hợp chi phí như: sổ chi phí sản xuất kinh doanh từng bộ phận sản xuất, từng đối tượng sản xuất, ...

Tổ chức hệ thống chứng từ: các công trình xây dựng ở xa nên việc cập nhật thời gian chứng từ chưa hợp lý. Lệnh mua vật tư, hàng hoá có khi viết sau khi vật tư đã về kho hoặc còn thiếu do có sự chỉ đạo qua điện thoại của lãnh đạo Công ty.

Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của Chi nhánh đã đi vào hoạt động có nề nếp ổn định, cung cấp những thông tin số liệu tổng hợp cần thiết cho yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất của Công ty. Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất nói riêng tại chi nhánh TDC - 2 vẫn còn những hạn chế nhất định :

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Công ty chưa quan tâm đến vấn đề kiểm tra, quản lý vật liệu, tận dụng phế liệu thu hồi, vật tư không sử dụng hết không được nhập lại kho ngay dễ gây thất thoát, lãng phí.

Chi phí sản xuất chung: quy trình hạch toán chi phí KHTSCĐ; các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân trực tiếp xây lắp thuộc

biên chế Công ty hoặc ký hợp đồng lao động dài hạn với Công ty, của nhân viên quản lý công trình, cán bộ kỹ thuật còn chưa hợp lý.

Một điều đáng lưu ý nữa là Chi nhánh mới chỉ quan tâm đến tiến độ thi công và chất lượng công trình mà chưa quan tâm đến công tác an toàn lao động trong sản xuất. Mặc dù, cho tới hiện nay vẫn chưa để xảy ra các vụ tai nạn nặng nhưng nó sẽ ảnh hưởng xấu đến tâm lý của cán bộ công nhân viên và tác động không tốt đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện chi phí sản xuất và tính giá thành tại chi nhánh TDC2

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tình hình công tác hạch toán kế toán tại công ty về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Chi nhánh TDC - 2, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến và đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm như sau:

2.1. Đề xuất 1: Hoàn thiện về tổ chức bộ máy kế toán.:

Hiện nay, nhân viên kế toán tại Chi nhánh phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên sẽ làm giảm hiệu quả của công tác ghi chép, hạch toán và đối chiếu số liệu giữa các thành phần với nhau.

Phòng kế toán chi nhánh TDC - 2 nên có kế hoạch sắp xếp để công việc hạch toán được thực hiện ngay trong kỳ, tránh tình trạng tất cả dồn vào cuối kỳ. Kế toán trưởng nên có sự phân công rõ ràng và hợp lý cho các kế toán viên để công tác hạch toán diễn ra một cách khoa học. Trong trường hợp xem xét cần thêm nhân lực thì kế toán trưởng nên có kiến nghị với cấp trên về việc tuyển dụng thêm nhân viên.

Với đề xuất trên sẽ giúp Công ty nói chung và chi nhánh nói riêng tránh được sự chậm trễ trong việc xử lý và cung cấp các thông tin số liệu kế toán cần thiết, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.2. Đề xuất 2: Hoàn thiện về hệ thống sổ sách

Hệ thống sổ sách kế toán chính là phương tiện vật chất để thực hiện công tác kế toán. Nó dùng để ghi chép, hệ thống và lưu trữ toàn bộ nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian. Hiện nay mẫu sổ kế toán chi tiết và mẫu sổ kế toán tổng hợp mà công ty sử dụng không thể hiện cột tài khoản đối ứng nên gây khó khăn cho kế toán trong việc đối chiếu và theo dõi.

Sổ kế toán chi tiết và sổ cái của công ty nên được thiết kế theo mẫu sau.

Bảng số 3.1: Sổ chi tiết tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

<i>Chi nhánh TDC – 2</i>			SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT Tài khoản: 621 Tháng 12 Năm 2012			
Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Tài khoản ghi	
	Số	N/tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
			Phát sinh trong kỳ			
31/12	80aCP	31/12	DNTN cơ khí và TM Hoàng Long cấp hoa sắt HĐ 021/010	3311	93.750.000	
31/12	82aCP	31/12	CT TNHH MTV TM và XD Việt Tuyến cấp thép HĐ 021/010	3311	565.480.000	
31/12	1731	31/12	Kết chuyển CP	154		659.239.000
			Cộng phát sinh		659.239.000	659.239.000
			Số dư cuối kỳ		0	

Bảng 3.2: Sổ cái tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

CN C.TY CPPTKT XD - TDC2

Tài khoản 621

Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

STT	Tên đối tượng	TK đối ứng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
....								
6	HĐ 021/010 Nhà điều dưỡng Nho Quan							
	DNTN cơ khí và TM Hoàng Long	3311			93.750.000			
	CT TNHH MTV TM và XD Việt Tuyển	3311			565.548.000			
	Kết chuyển CP	154				659.239.000		
...								
	Tổng cộng				43.234.451.393	43.234.451.393		

Với hình thức sổ như trên sẽ giúp kế toán theo dõi được rõ ràng các tài khoản đối ứng của từng khoản mục chi phí. Tuy nhiên, chỉ có sổ kế toán mới có tài khoản đối ứng.

Các chi phí phát sinh liên quan đến từng công trình, HMCT sẽ được tập hợp một cách cụ thể và chi tiết. Điều đó sẽ giúp cho việc đối chiếu, kiểm tra giữa các sổ sách, giữa thực tế và sổ sách được thuận tiện và dễ dàng.

Hiện nay chi nhánh vẫn sử dụng Chứng từ ghi sổ đi kèm theo Bảng kê hoàn chứng từ tạm ứng để tập hợp các chứng từ và áp dụng theo hình thức sổ nhật ký chung.

Do vậy, em nhận thấy việc sử dụng Chứng từ ghi sổ là bất hợp lý vì công tác kế toán chỉ nên áp dụng một hình thức ghi sổ duy nhất.

Kế toán nên thay đổi tên thành Phiếu kế toán để định khoản các nghiệp vụ trước khi ghi sổ kế toán. Và tập hợp chứng từ sẽ được ghi nhận ngay khi các chủ trì công trình gửi các hóa đơn chứng từ về cho phòng kế toán. Như vậy, sẽ tránh được sự nhầm lẫn giữa 2 hình thức ghi sổ.

2.3. Đề xuất 3: Quy trình luân chuyển chứng từ

Luân chuyển chứng từ là quá trình vận động của chứng từ kể từ khi phát sinh đến khi kết thúc và đưa vào lưu trữ. Việc tổ chức luân chuyển chứng từ một cách hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm tra, kiểm soát, không bị ách tắc giữa các khâu công việc nhằm đẩy nhanh tiến trình thực hiện công việc.

Do tính chất đặc thù của ngành xây dựng nói chung và hoạt động kinh doanh của chi nhánh nói riêng mà việc tập hợp chứng từ sẽ phải đợi các chủ trì công trình gửi chứng từ về vào cuối tháng. Việc này sẽ làm cho công tác kế toán nhiều khi bị đình trệ và công việc dồn hết vào cuối tháng. Điều này sẽ dễ làm kế toán nhầm lẫn ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cuối kỳ.

Em xin đề xuất chi nhánh nên quy định và thiết kế hệ thống luân chuyển chứng từ. Tại các công trình nên có các thiết bị như máy fax, máy scan v.v... để chủ trì có thể kịp thời gửi chứng từ về cho phòng kế toán ngay khi phát sinh. Việc gửi chứng từ gốc sẽ được tập hợp và chuyển phát nhanh một lần vào cuối kì.

KẾT LUẬN

Chi phí sản xuất thực chất là sự vận động của các yếu tố sản xuất, biến đổi chúng thành sản phẩm cuối cùng theo mục đích của doanh nghiệp. Chi phí sản xuất gắn liền với việc sử dụng vật tư, tài sản, tiền vốn, do đó quản lý chi phí sản xuất chính là việc sử dụng hợp lý các yếu tố trên. Chi phí sản xuất là yếu tố cấu thành lên giá thành sản phẩm nên việc quản lý chặt chẽ, chi phí sản xuất cũng như việc sử dụng chi phí có hiệu quả, chính là việc thực hiện mục tiêu hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng công trình.

Được sự giới thiệu của Khoa Kế toán – Đại học Thăng Long và được sự chấp thuận của Ban giám đốc Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng và chi nhánh TDC - 2. Trong thời gian thực tập tại doanh nghiệp, em đã vận dụng kiến thức tính lũy được trong những năm học vừa qua cùng những hoạt động thực tế tại đơn vị để hoàn thành đề tài của em.

Qua quá trình thực tập tại đơn vị em đã mạnh dạn xin nêu ra một số đề xuất và giải pháp cho công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp với hi vọng có thể góp một phần nhỏ bé để phát triển đơn vị.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô khoa Kế toán đã tận tình dạy bảo em trong thời gian vừa qua, đặc biệt là Th.S Đoàn Thị Hồng Nhung đã tận tình chỉ dẫn em hoàn thành đợt thực tập này.

Xin cảm ơn các cô chú, anh chị trong Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng và chi nhánh TDC - 2, đặc biệt các anh chị phòng Kế toán Tài chính dù thời gian bận rộn nhưng vẫn tận tình hướng dẫn và cung cấp đầy đủ số liệu để em hoàn thành thời gian thực tập một cách tốt nhất.

Do kiến thức còn hạn chế nên đề tài của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong được sự chỉ dẫn của các thầy cô, các anh chị, bạn bè để em có điều kiện củng cố kiến thức ngày càng hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn!

PHỤ LỤC

Phụ lục hóa đơn 0062804 chi phí sản xuất chung tháng 12 năm 2012 HĐ
021/010 – Trung tâm điều dưỡng thương binh Nho Quan.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng tổ chức hạch toán kế toán, Th.S Đoàn Thị Hồng Nhung, Đại học Thăng Long, năm 2013.
2. Bài giảng kế toán thương mại dịch vụ xây lắp, Th.S Vũ Thị Kim Lan, Đại học Thăng Long, năm 2013.
3. Giáo trình kế toán doanh nghiệp, Học viện Tài chính, Nxb Thống kê 2009
4. wedside: ketoantruong.com.vn.
5. Sách Hệ thống tài khoản kế toán, Bộ tài chính, Nxb Lao động 2011.
6. Sách Báo cáo tài chính – chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán, Bộ tài chính, Nxb Lao động 2011
7. Tạp chí kế toán các số năm 2013 và năm 2014.
8. Một số báo cáo thực tập khoá trước
9. Một số tài liệu của Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng và chi nhánh Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng – TDC2